2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

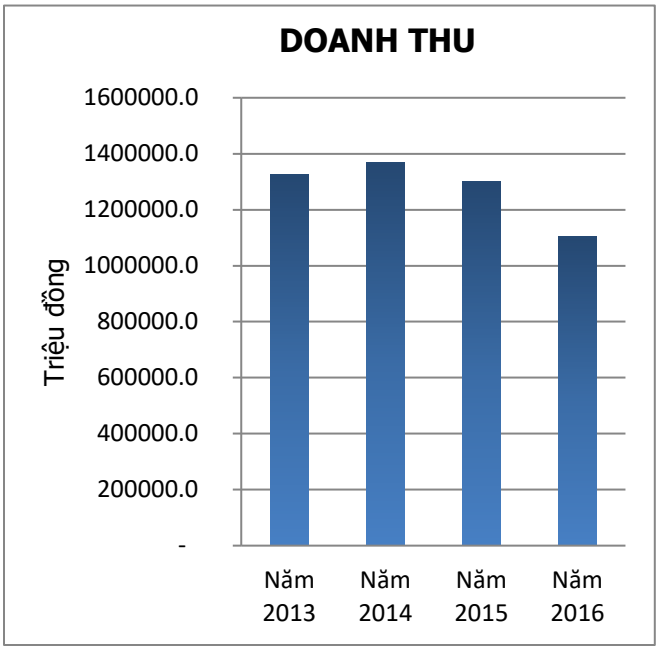

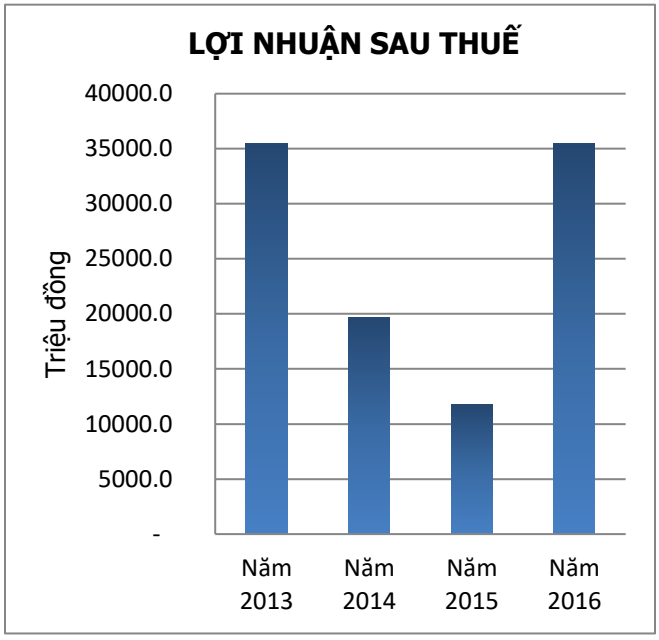

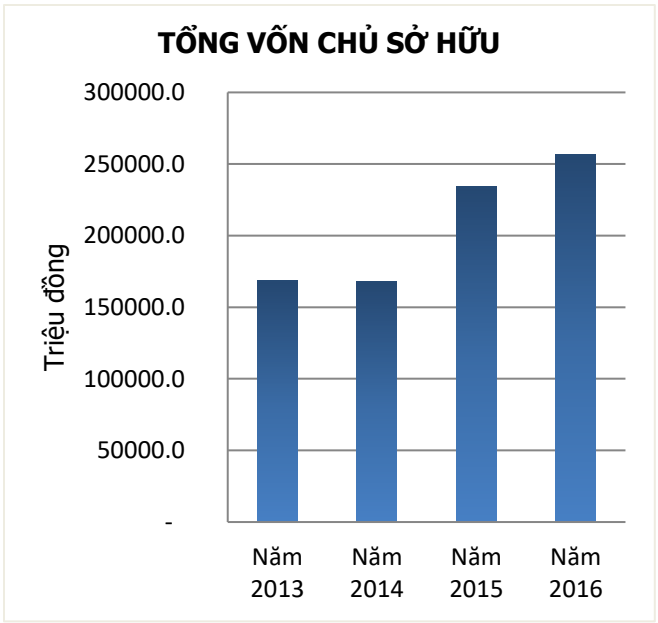

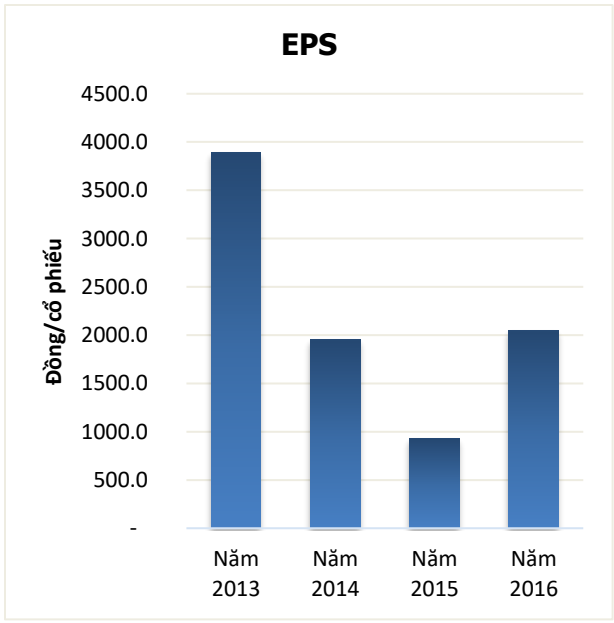

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ động tìm kiếm đối tác, giảm thiểu rủi ro, mang lại nhiều giá trị thặng dư

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư!

Năm 2016 khép lại với nhiều khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế thế giới. Rất nhiều các sự kiện bất ngờ xảy ra trên thị trường tài chính quốc tế như việc Anh rời khỏi liên minh Châu Âu, cuộc bầu cử tổng thống mỹ với chiến thắng áp đảo của Đảng Cộng Hòa, thủ tướng italy từ chức...khiến đồng Euro rơi thẳng đứng ở mức thấp nhất trong 1 năm trở lại đây.

Trong thương mại, làn sóng bảo hộ mậu dịch đang có xu hướng gia tăng trên toàn thế giới. Các biện pháp bảo hộ thương mại trong nhóm G20 đã tăng lên mức cao nhất trong vòng vài năm qua, Mỹ tuyên bố rút khỏi TPP, kim ngạch thương mại toàn cầu suy giảm. Giá dầu và vàng diễn biến bất thường, giá các loại hàng hóa khác có xu hướng tăng.

Đối với kinh tế Việt Nam trong năm 2016 đà tăng trưởng có dấu hiệu chững lại GDP năm 2016 chỉ đạt 6,2%. Lạm phát tiếp tục được duy trì ổn định. CPI năm 2016 tăng 4,74% so với thời điểm đầu năm. Tỷ giá USD/VND được duy trì ổn định trong 10 tháng đầu năm và bắt đầu tăng vào 2 tháng cuối năm. Môi trường kinh doanh được cải thiện rõ rệt, tăng 9 bậc xếp thứ 82/189 quốc gia được xếp hạng (Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2016 của Ngân hàng Thế giới thực hiện). Cán cân thương mại khả quan hơn, theo Tổng cục thống kê tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 176,63 tỷ USD tăng 9% so với năm 2015.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt nhiều thách thức khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng. Kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn rủi ro, những biến động của các chính sách kinh tế, tỷ giá khó dự đoán, chi phí đầu vào tăng cao...tác động mạnh tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Ngành dệt may Việt Nam trong năm qua đối diện với rất nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm qua khi mà tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành không đạt mục tiêu, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 5,2% thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Hiện tại, sản phẩm sợi xuất khẩu của công ty đều phân phối tại thị trường Trung Quốc. Với việc Trung Quốc liên tục phá giá đồng nhân dân tệ khiến cho hàng hóa của của các nước khác như Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Việt Nam giảm khả năng cạnh tranh so với hàng hóa sản xuất tại Trung Quốc. Nhằm giải quyết khó khăn từ thị trường Trung Quốc, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm kiếm các đối tác khác tại các thị trường như Hàn Quốc, Nhật Bản và Úc để phục vụ việc xuất khẩu khăn. Điều này làm giảm thiểu các rủi ro từ việc xuất khẩu sợi sang thị trường Trung Quốc đồng thời đem lại nhiều giá trị thặng dư cho Công ty hơn.

MỤC LỤC

06

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Văn hóa doanh nghiệp

21

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình tài chính nổi bật

Tổ chức nhân sự

Quan hệ Nhà đầu tư

36

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BGĐ

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Tình hình tài chính năm 2016

Kế hoạch kinh doanh 2017

46

BÁO CÁO CỦA HĐQT

Tình hình kinh doanh năm 2016

Phương hướng phát triển trong tương lai

55

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hoạt động của Ban Kiểm soát

63

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tiêu thụ năng lượng

Bảo vệ môi trường

Quản lý nguồn Nguyên vật liệu

Về nhân sự

Trách nhiệm với cộng đồng

Trách nhiệm với nhà đầu tư

72

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo cáo của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính và thuyết minh

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN**
Giấy CN ĐK KD số:	**Số 1000389853**
Vốn điều lệ:	**168.734.810.000**
Địa chỉ:	**Lô A4, Đường Bùi Viện Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình**
Số điện thoại:	**036642311/036642312**
Website	**http://damsanjsc.vn/**
Mã cổ phiếu	**ADS**

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/ dệt và phát triển đa ngành với cốt lõi là dệt may và bất động sản

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.Lấy tầng lớp thu nhập trung lưu và thu nhập thấp làm trung tâm

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1. Sản xuất sợi
2. Sản xuất vải dệt thoi
3. Hoàn thiện sản phẩm dệt
4. Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
5. Sản xuất thảm, chăn đệm
6. Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn)
7. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông)
8. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh)
9. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may)
10. Bán buôn kim loại và quặng kim loại

    Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại màu (Trừ vàng)
11. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
12. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
13. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
14. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
15. Xây dựng nhà các loại
16. Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ)
17. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng)

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

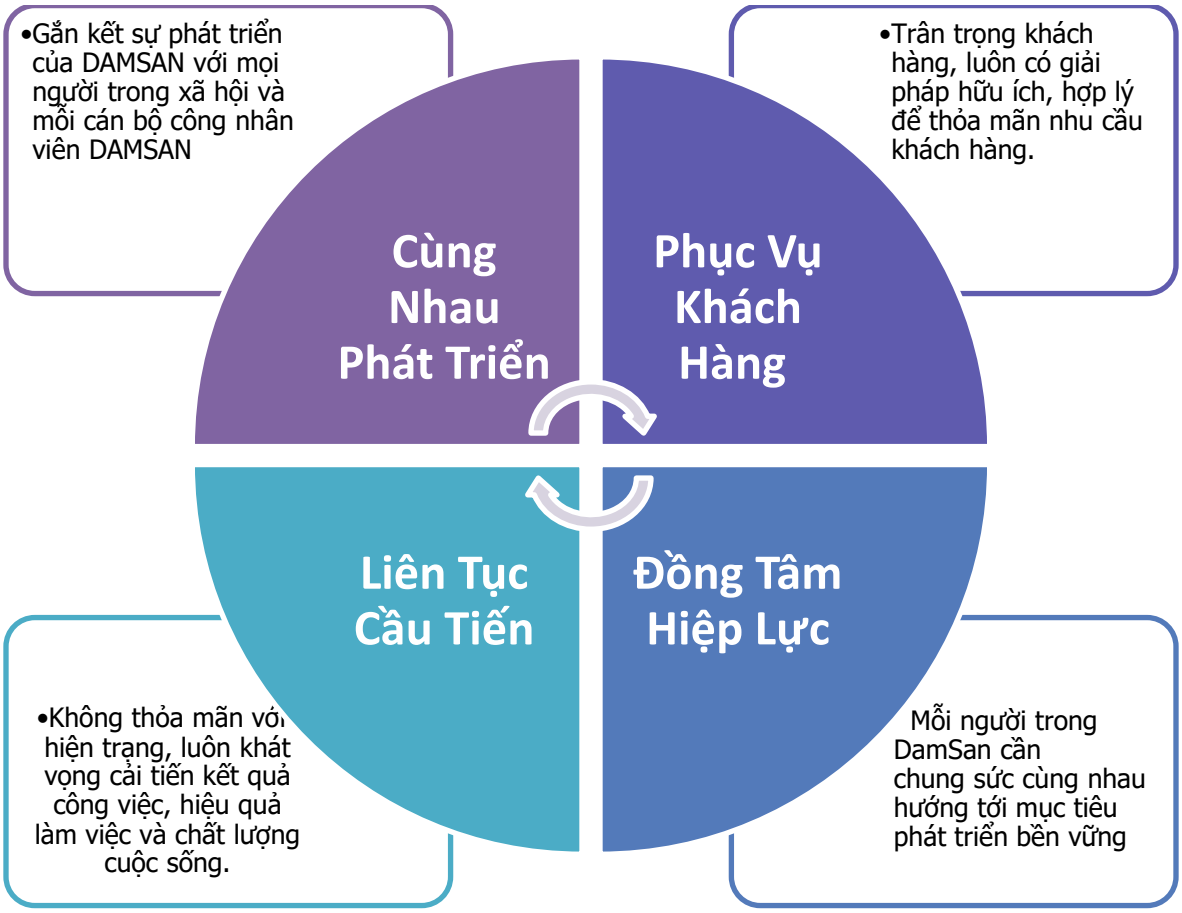

CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU

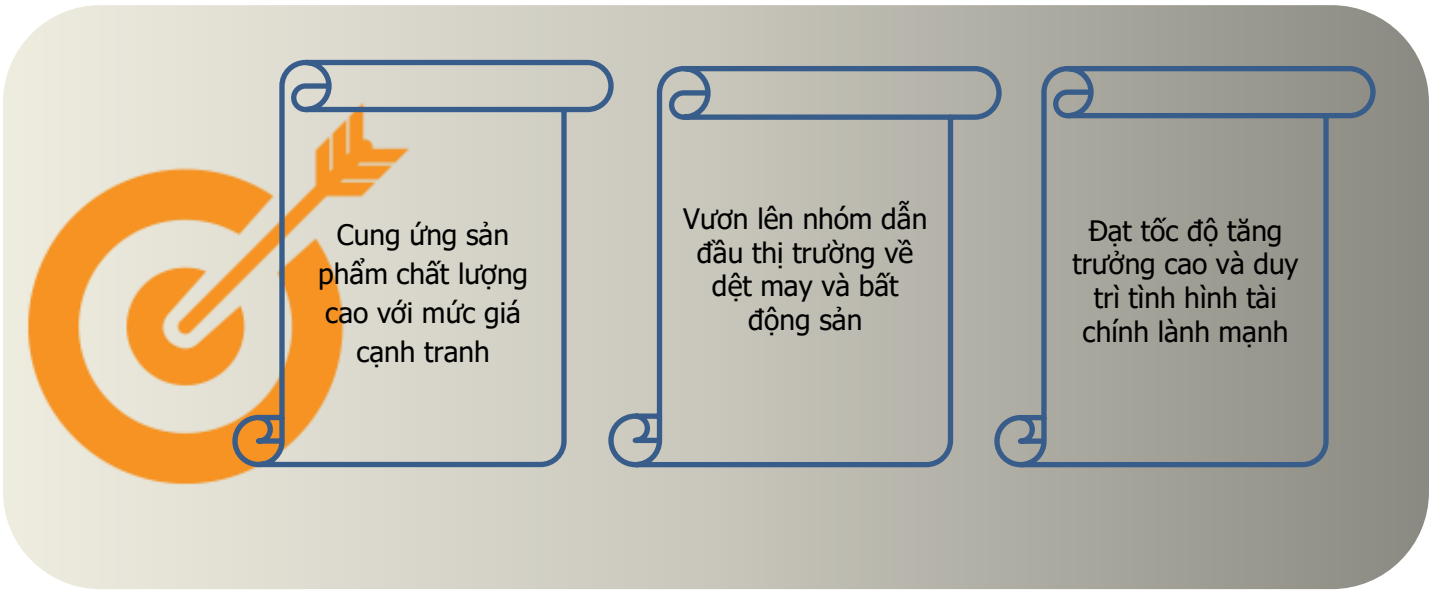

ĐỊA BÀN KINH DOANH

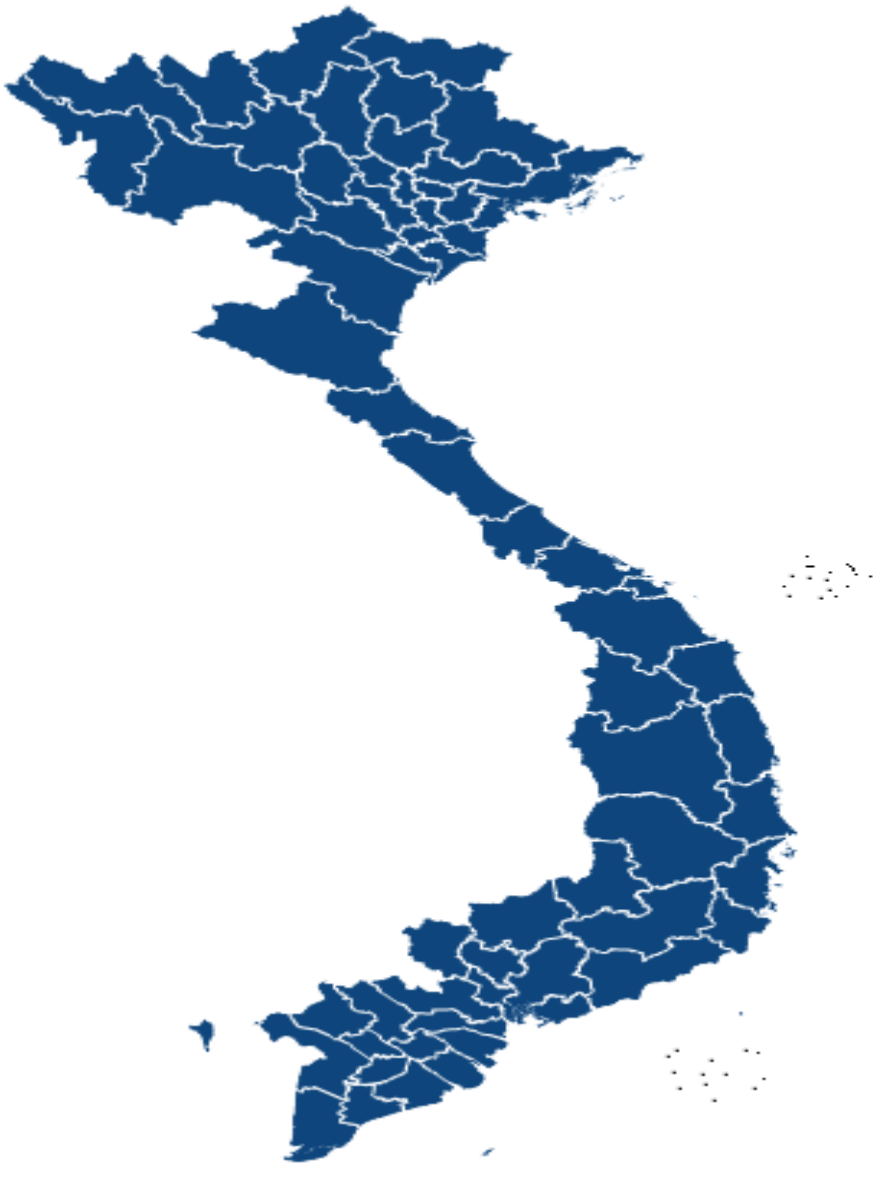

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

05/2006

Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và các thành viên trong công ty XNK thủ công mỹ nghệ quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan

06/2006

Khởi công xây dựng nhà máy Damsan I với tổng vốn đầu tư 121 tỷ đồng với công suất 2.880 tấn sợi OE/năm và 2.220 tấn sợi CD/năm

12/06/2006

Sở Kế hoạch Đầu tư Thái Bình cấp giấy phép kinh doanh lần đầu số 0803000284 cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan.

2009

Công ty đạt danh hiệu "Doanh nghiệp Việt Nam vàng" của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

2010

Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư nhà máy Damsan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD với công suất là 3.600 tấn sợi OE/năm và 720 tấn khăn/năm

30/05 2011

Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1566/UBCK-QLP

2013

Công ty được chứng nhận đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế và được trao tặng giải thưởng Sao vàng Đất Việt cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế

19/11/2015

Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Damsan

23/10/2015

Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100,7 tỷ đồng lên 160,7 tỷ đồng

29/06/2016

Công ty thực hiện ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên HOSE với mã chứng khoán là ADS.

08/11/2016

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, vốn điều lệ sau phát hành: 168.734.810.000 đồng

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

ĐVT: 1000 VNĐ

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn sau phát hành
12/06/2006	Vốn điều lệ đăng ký thành lập		12.000.000
10/08/2007	Cổ đông hiện hữu	20.329.000	32.329.000
20/08/2010	Cổ đông hiện hữu	27.671.000	60.000.000
21/06/2012	Phát hành riêng lẻ	20.700.000	80.700.000
24/06/2013	Phát hành riêng lẻ	20.000.000	100.700.000
23/10/2015	Phát hành riêng lẻ	60.000.000	160.700.000
08/11/2016	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	8.034.810	168.734.810

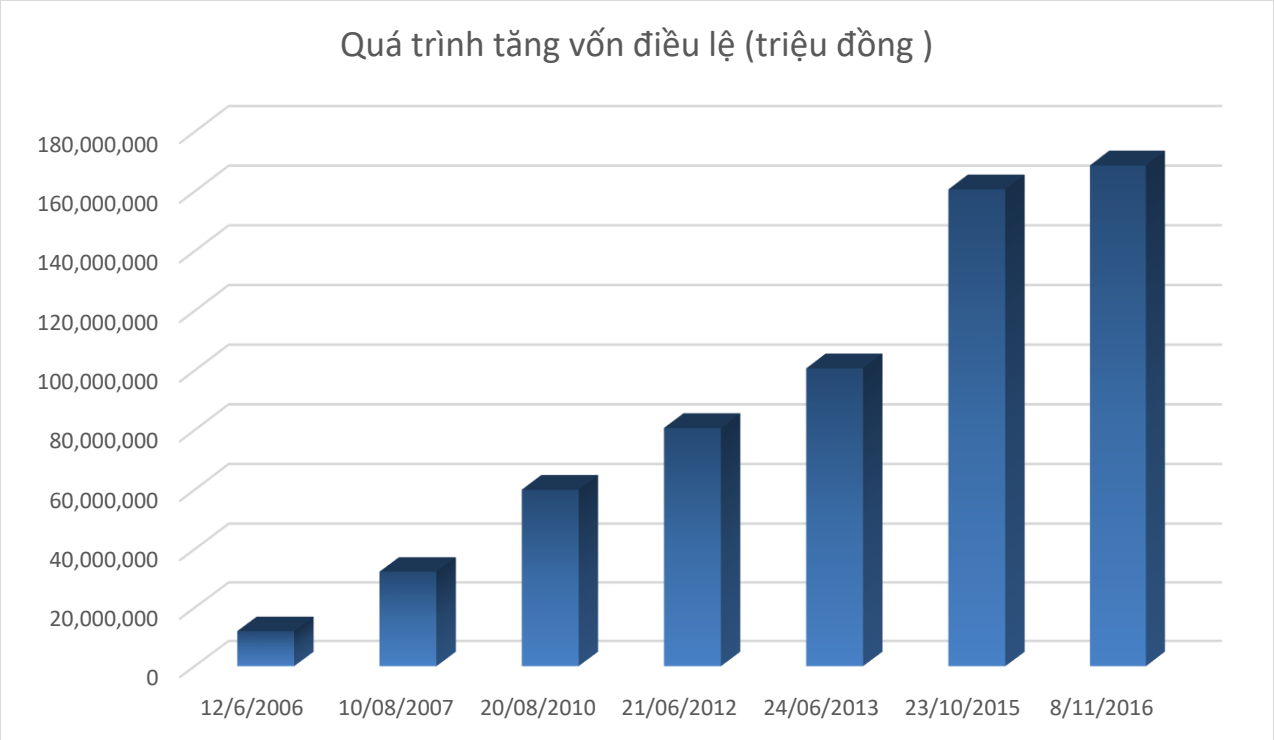

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC

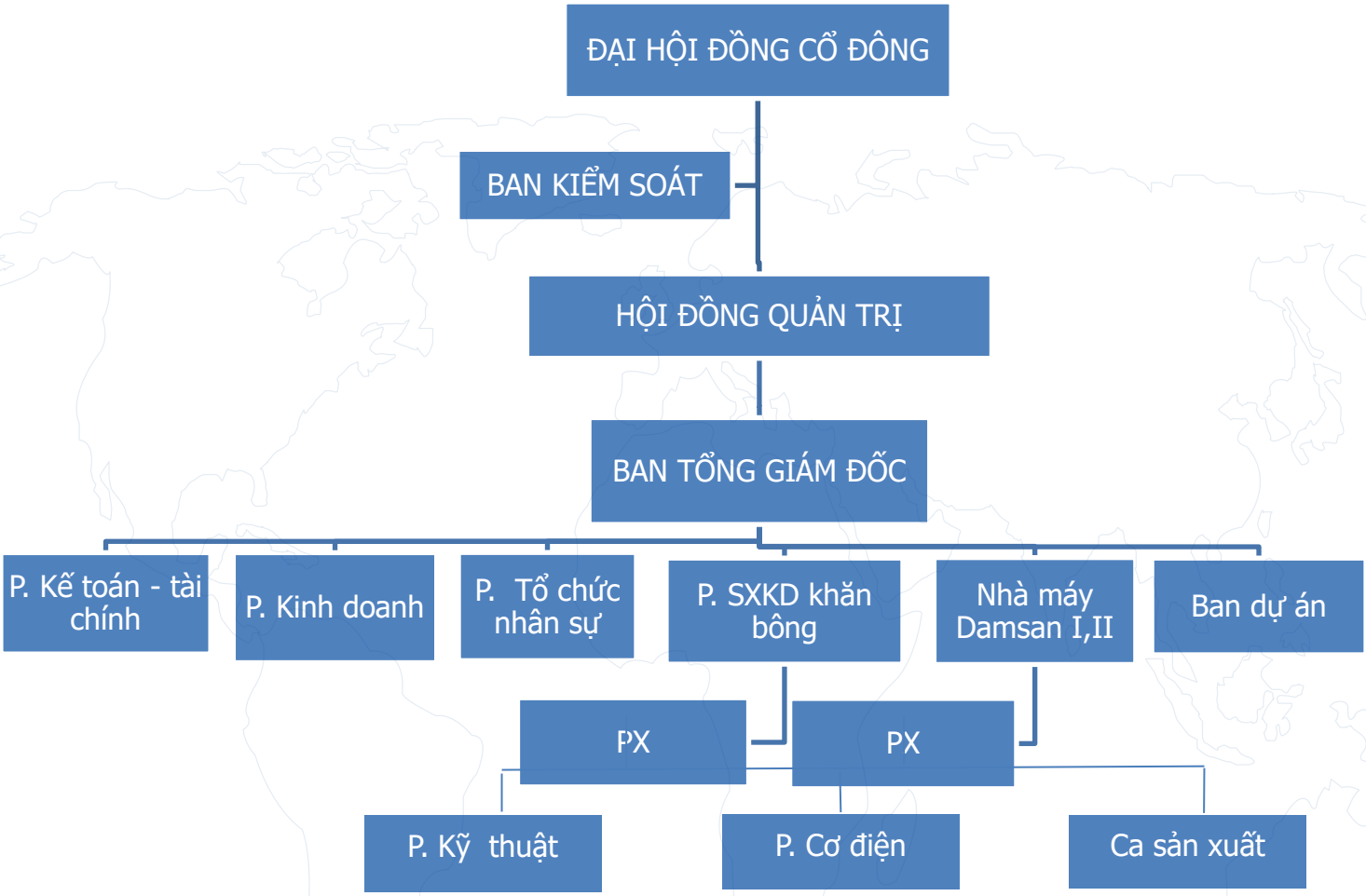

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty Cổ phần Damsan có hai công ty con và không công ty liên kết.

Các công ty con:

Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC

Địa chỉ	:	Số 56 Trần Hưng Đạo, Tổ 20B, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
Vốn điều lệ	:	24,6 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	:	100%
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	:	➢ Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép ➢ Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác ➢ Bán buôn kim loại và quặng kim loại ➢ Xây dựng nhà các loại ➢ Xây dựng công trình công ích ➢ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác ➢ Lắp đặt hệ thống điện ➢ Hoàn thiện công trình xây dựng ➢ Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ➢ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống ➢ Bán buôn gạo

Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL

Địa chỉ	:	Tầng 18 Tòa nhà dành cho người thu nhập thấp Damsan, số 56, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
Vốn điều lệ	:	60 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	:	81%
Hoạt động sản xuất. kinh doanh chính	:	➢ Sản xuất kinh doanh sợi ➢ Sản xuất vải dệt thôi ➢ Hoàn thiện sản phẩm dệt

RỦI RO

RỦI RO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Năm 2016 khép lại với nhiều những sự kiện bất ngờ, khó khăn xảy ra đối với nền kinh tế thế giới. Từ cuối năm 2016 sang đầu năm 2017 các nền kinh tế lớn trên thế giới đã dần lấy lại được đà hồi phục mà đáng kể nhất là Anh bất chấp sự kiện Anh rời bỏ Liên minh Châu Âu tốc độ tăng trưởng GDP của anh vẫn đạt 2,2% cao hơn rất nhiều các quốc gia khác sử dụng đồng tiền chung Eurozone. Mỹ vẫn tiếp tục đà tăng trưởng ổn định của mình kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, trong khi tăng trưởng của Nhật Bản biến động và vẫn tiếp tục ì ạch ở mức dưới 2%.

Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc tếp tục chứng kiến sự giảm tốc kéo dài mạnh mẽ trong những năm trở lại đây.

Năm 2017 tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo sẽ hồi phục nhẹ, song chứa nhiều nhân tố bất ổn: tốc độ tăng trưởng chậm tại các nền kinh tế phát triển, thương mại toàn cầu yếu và dòng vốn giảm, suy giảm tăng trưởng của Trung Quốc và một số nền kinh tế mới nổi, sự kiện Anh rời EU (Brexit); tình hình tình tài chính tiền tệ và giá cả hàng hóa, đặc biệt là giá dầu biến động phức tạp...IMP (10/2016) cũng hạ dự báo kinh tế toàn cầu với mức tăng trưởng 3,1% trong năm nay. Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội quốc gia (NCIF) đã đưa ra mức dự bao tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 đạt 3,3%.

Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 (%)

	Thế giới	Euroz one	Mỹ	Trung Quốc	Nhật Bản
IMF	3,4	1,5	2,2	6,2	0,6
NICF	3,3	1,3	2,32	6,12	0,5
	Ấn Độ	**Nga**	**Brazin**	**Giá dầu (*)**	**TMTG (%)**
IMF	7,6	1,1	0,5	50,64	3,8
NICF	6,94	1,21	1,21	50,42	4,6

Nguồn: IMF, WB và cơ sở dữ liệu từ mô hình NIGEMV3-16b

(*) USD/thùng; TMTG: Thương mại thế giới

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam rong năm 2016 có dấu hiệu chững lại GDP chỉ đạt 6,2% không đạt mục tiêu đề ra của Chính Phủ, giảm 0,5% so với năm 2015. Nguyên nhân của điều đó là xu hướng không thuận lợi suy thoái kinh tế toàn cầu và một loạt thiên tai, sự cố môi trường. Tuy nhiên, với kết quả trên Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới. Theo dự báo của Bloomberg tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2017 sẽ là 6,3% triển vọng trung hạn khá tích cực.

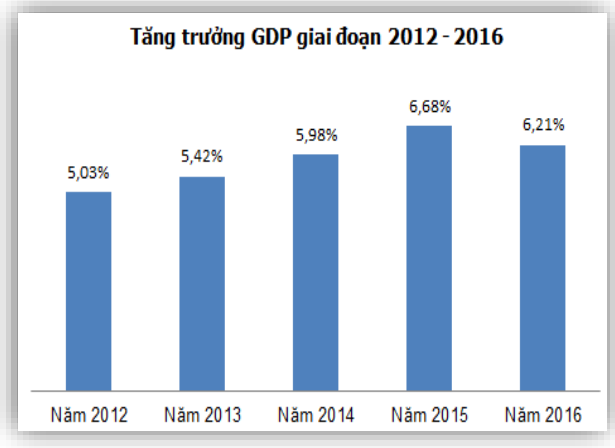

RỦI RO LẠM PHÁT

Trong năm 2016 CPI tăng 4,74%: CPI tháng 12/2016 tăng 4,74% so với tháng 12/2015, bình quân mỗi tháng tăng 0,4%.

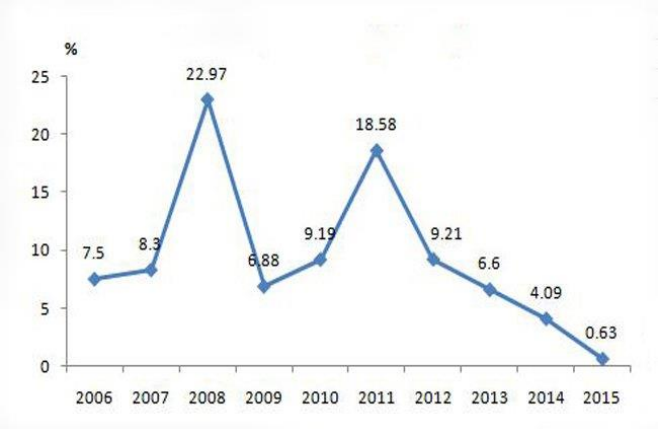

CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015. Với việc duy trì mức lạm phát thấp, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ được cải thiện hơn và có điều kiện phát triển.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh sản xuất sợi phục vụ dệt và may mặc, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí điện nước và chi phí nhân công. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào. Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công việc đánh giá hoạt động quản trị nội bộ thông qua việc đánh giá các chi phí phát sinh thực tế và kế hoạch nhằm tìm ra các biện pháp tăng cường quản trị chi phí và giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể phát sinh.

RỦI RO LÃI SUẤT

Trong năm 2016, mặt bằng lãi suất giữ ổn định, một số Tổ chức tín dụng (TCTD) giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Mặt bằng lãi suất huy động sau khi tăng 0,2-0,3%/năm trong 3 tháng đầu năm

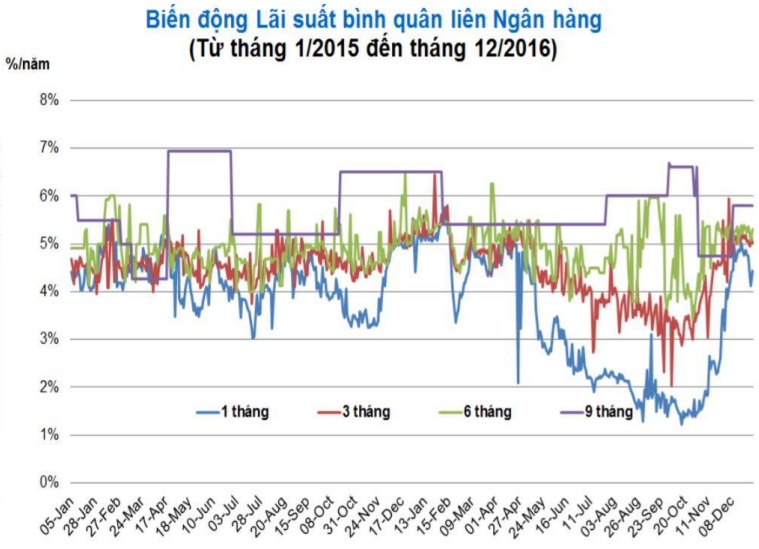

thì từ tháng 4 đã ổn định, đặc biệt giữa tháng 4 và cuối tháng 9/2016, một số TCTD đã giảm từ 0,3-0,5%/năm lãi suất huy động, giảm khoảng 0,5-1%/năm lãi suất cho vay với sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. Lãi suất cho vay hiện phổ biến từ 6-9%/năm đối với kỳ hạn ngắn và 9-11%/năm với trung và dài hạn; đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4-5%/năm.

TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Năm 2016 tỷ giá và thị trường ngoại hối diễn biến tương đối ổn định trong bối cảnh chịu nhiều sức ép từ những biến động khó lường trên thị trường quốc tế. Từ đầu năm 2016, NHNN thực hiện công bố tỷ giá trung tâm biến động linh hoạt hàng ngày theo sát diễn biến thị trường trong, ngoài nước và phù hợp với mục tiêu CSTT đã giúp hạn chế các cú sốc bên ngoài và giảm tâm lý găm giữ ngoại tệ, hỗ trợ cho sự ổn định của tỷ giá và thị trường ngoại tệ. So với đầu năm, tỷ giá VND/USD tăng khoảng 1,1-1,2%, thanh khoản thị trường tốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Tại một số thời điểm tỷ giá tăng do yếu tố tâm lý bởi biến động trên thị trường quốc tế như sự kiện Brexit, kết quả bầu cử tổng thống Mỹ, Fed tăng lãi suất nhưng đã nhanh chóng ổn định trở lại. Tâm lý găm giữ ngoại tệ giảm, hệ thống TCTD mua ròng lượng lớn ngoại tệ từ nền kinh tếnhờ đó, NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Tại ngày 31/12/2016 Công ty có số dư nợ vay bằng ngoại tệ 350 tỷ đồng. Như vậy nếu như tỷ giá tăng thêm 1%, Công ty sẽ phát sinh thêm khoản chi phí chênh lệch tỷ giá 3,5 tỷ đồng/ năm.

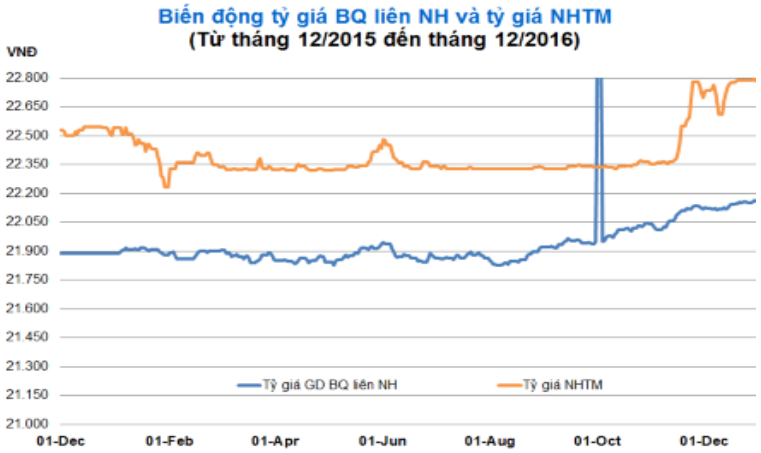

Nguồn: SBV, VCB

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

1. Nguyên vật liệu đầu vào

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi … Giá bông biến động liên tục theo ngày và tương đối khó dự đoán. Trong quá khứ, giá bông có mức biến động bất thường và có thời điểm đạt đỉnh 195,7 cents/pound vào tháng 3/2011 và liên tục giảm xuống mức 58,19 cents/pound tháng 1/2015 và tăng nhẹ lên 59,70 cents/pound vào tháng 9/2015. Trong khi đó các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải nhập khẩu tới 90% lương bông phục vụ

sản xuất do chúng ta chưa có vùng trồng bông rộng và đủ sản lượng đáp ứng.

Đây là một rủi ro đặc thù của Công ty trong trường hợp giá bông thế giới tăng/ giảm đột biến khi các đơn hàng đã ký kết theo giá giao ngay. Nhằm giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Damsan đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, từ các thị trường Tây Phi, Bắc Mỹ và Ấn Độ, để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào.

Biến động giá bông thế giới năm 2008 – 2015:

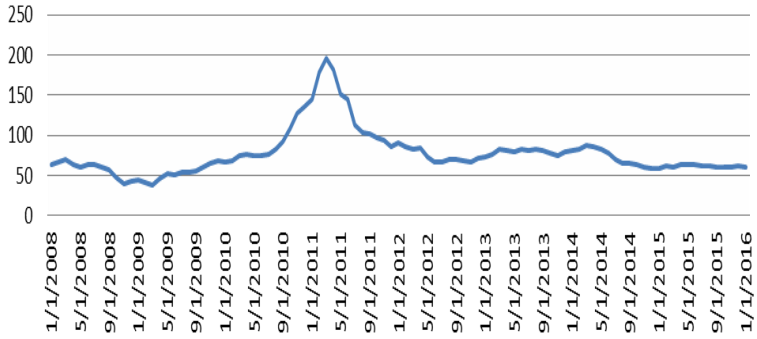

Ngoài ra Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán dựa theo giá nguyên vật liệu đầu vào tại từng thời điểm khác nhau. Với một số mặt hàng đặc biệt, Công ty đã có hợp đồng dài hạn với các khách hàng, ổn định về giá bán ở mức cao, hạn chế rủi ro từ việc biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hồng Kông), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt.

2. Rủi ro từ thị trường Trung Quốc

Hiện nay 100% sợi sản xuất phục vụ việc xuất khẩu của Công ty được phân phối tại thị trường Trung Quốc. Vì thế bất cứ biến động nào dù nhỏ nhất của nền kinh tế Trung Quốc cũng ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tháng 08 năm 2015 Trung Quốc đã tiến hành điều điều chỉnh tỷ giá đồng nhân dân tệ so

Cùng với việc giá nguyên liệu bông giảm trong quý III năm 2015, giá sợi bán ra trên thị trường Trung Quốc đã giảm rất nhiều do ảnh hưởng từ việc Trung Quốc điều chỉnh đồng nhân dân tệ. Doanh số Công ty trong quý III cũng giảm so với cùng kỳ năm trước. Việc điều chỉnh tỷ giá của Trung Quốc là một rủi ro không xác định được và mang đến nhiều yếu tố bất ngờ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giải quyết những khó khăn từ thị trường Trung Quốc, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm các đối tác khác tại các thị trường như Hàn Quốc, Nhật Bản và Úc để phục vụ việc xuất khẩu khăn. Điều này sẽ giảm thiểu các rủi ro từ việc xuất sợi sang thị trường Trung Quốc đồng thời đem lại nhiều giá trị thặng dư hơn cho Công ty do khăn bông của công ty có giá trị kinh tế cao.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết tại tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ngoài việc chịu ảnh hưởng dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Không chỉ có vậy, Công ty hoạt động trong lĩnh sản xuất sợi, xây dựng, phải chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới… của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách ưu đãi đối với ngành xây dựng và bất động sản sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy..

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết thúc năm tài chính 2016, kết quả hoạt động kinh doanh của ADS như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	%2016/2015
Doanh thu thuần	triệu đồng	1.301.337	1.103.309	-15,22%
Giá vốn hàng bán	triệu đồng	1.219.523	1.011.174	-17,08%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	13.953	40.882	192,99%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	11.762	35.493	201,75%

Doanh thu thuần của doanh nghiệp giảm hơn 198 tỷ đồng tương đương tốc độ giảm 15,22% so với năm 2015, Doanh thu thuần giảm chủ yếu do Doanh thu bán hàng và Doanh thu kinh doanh bất động giảm, lần lượt là hơn 60 tỷ đồng và 139 tỷ đồng.

Tuy nhiên, năm 2016 Doanh nghiệp giảm kinh doanh theo hình thức gia công sợi các loại tại các nhà máy vệ tinh doanh thu của công ty chủ yếu từ các sản phẩm công ty sản xuất, Giá vốn hàng bán mạnh (giảm 17,08%) cùng với các chi phí tài chính, chi phí bán hàng giảm góp phần làm cho Lợi nhuận sau thuế và Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp tăng mạnh, lần lượt là 192,99% và 201,75%.

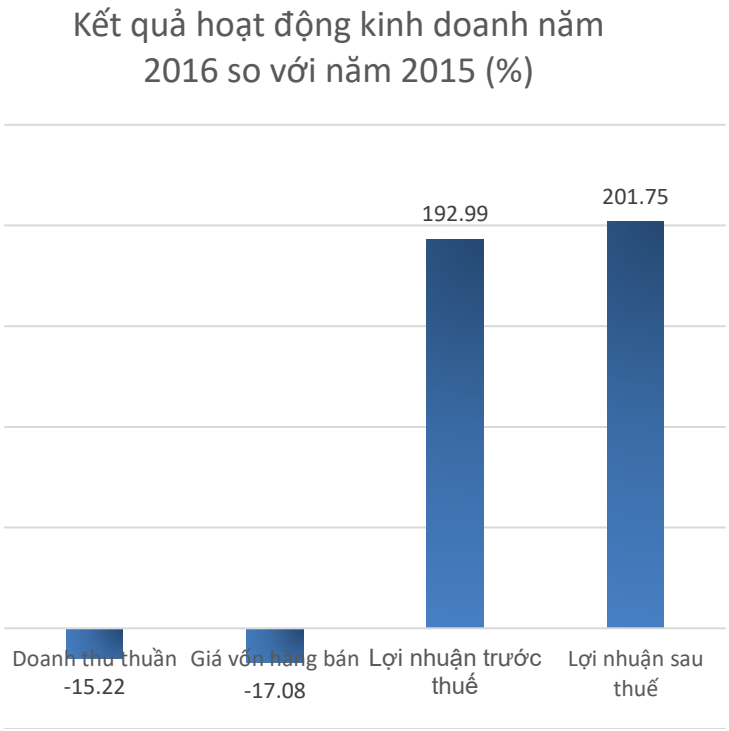

Doanh thu theo sản phẩm

Chỉ tiêu	Năm 2015	Tỷ lệ (%)	Năm 2016	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	1.158.238	89,00%	1.097.738	99,50%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	667	0,05%	2.213	0,20%
Doanh thu kinh doanh bất động sản	142.432	10,95%	3.358	0,30%
Tổng doanh thu	1.301.337	100%	1.103.309	100,00%

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Năm 2016, tuy doanh thu cung cấp dịch vụ tăng nhưng doanh thu bán hàng, đặc biệt là doanh thu kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp giảm mạnh (giảm hơn 139 tỷ đồng tương ứng 97,64%) doanh thu bán hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của doanh nghiệp,

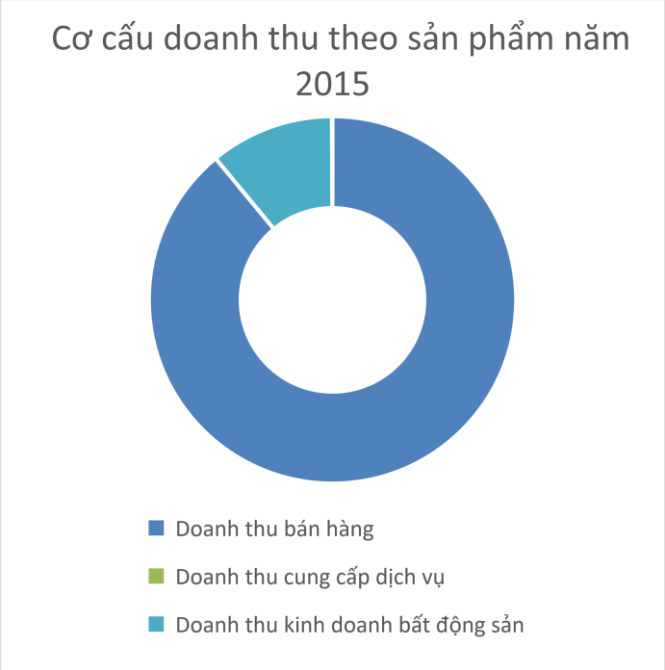

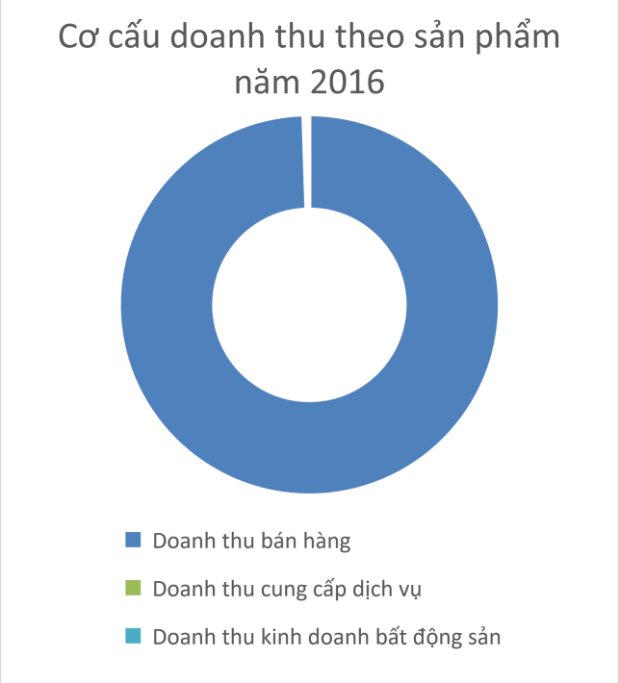

chiếm 99,5% tổng doanh thu.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2016	TH năm 2016	TH 2016/ KH 2016
Doanh thu	Tỷ đồng	1.500	1.103	73,53%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40	40,88	102,2%
Mức cổ tức	%	15	20	133,33%

Do những khó khăn của ngành dệt may nói chung ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, doanh thua của doanh nghiệp năm 2016 chỉ đạt 73,53% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2016, tuy nhiên với sự cắt giảm của giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận sau thuế và mức cổ tức của công ty đã vượt kế hoạch đề ra năm 2016 lần lượt là 2,2% và 33,33%.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Vũ Huy Đông	Nguyễn Lê Hùng	Vũ Huy Đức
Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	**Thành viên HĐQT**	**Thành viên HĐQT**
Năm sinh: 1955 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.069.800 cổ phần, chiếm 25,33% vốn điều lệ. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình	Năm sinh: 1955 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.069.800 cổ phần, chiếm 25,33% vốn điều lệ. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình	Năm sinh: 1979 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.176.000 cổ phần, chiếm 6,97% vốn điều lệ. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong

Ông Đỗ Văn Khôi	Ông Lê Văn Tuấn	Ông Lê Xuân Chiến
Thành viên HĐQT	**Thành viên HĐQT**	**Giám đốc Tài chính/Kế toán trưởng**
Năm sinh: 1956 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương Số lượng cổ phần nắm giữ: 945.000 cổ phần, chiếm 5,60% vốn điều lệ. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không	Năm sinh: 1956 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Số lượng cổ phần nắm giữ: 315.000 cổ phần, chiếm 1,87 % vốn điều lệ. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không	Năm sinh: 1983 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính Số lượng cổ phần nắm giữ: 346.000 cổ phần, chiếm 2,15% vốn điều lệ. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

BAN KIỂM SOÁT

Ông Vũ Văn Hiệu	Bà Vũ Thùy Linh	Bà Phạm Thị Hồi
Trưởng Ban kiểm soát	**Thành viên Ban kiểm soát**	**Thành viên Ban kiểm soát**
Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1977 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Số lượng cổ phần nắm giữ: 27.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không	Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1981 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Damsan	Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1981 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Học viện Tài chính Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2016, Công ty không có bất kỳ thay đổi nào trong Ban Điều hành.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	**Theo trình độ lao động**		
	Trình độ Đại học và trên Đại học	49	7,84%
	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	47	7,52%
	Lao động phổ thông	529	84,64%
2	**Theo đối tượng lao động**		
	Lao động trực tiếp	547	87,52%
	Lao động gián tiếp	78	12,48%
3	**Theo giới tính**		
	Nam	340	54,40%
	Nữ	285	45,60%
	Tổng cộng	**625**	**100,00%**

Tính đến hết ngày 31/12/2016, tổng số lao động của Công ty là 625 người, với đặc thù hoạt động trong ngành sợi và xây dựng lao động phổ thông chiếm đa số với 84,64%, lao động có trình độ Trung cấp chuyên nghiệp , Cao đẳng và Đại học trở lên chiếm 15,36%; lao động trực tiếp chiếm 87,52% trong cơ cấu lao động

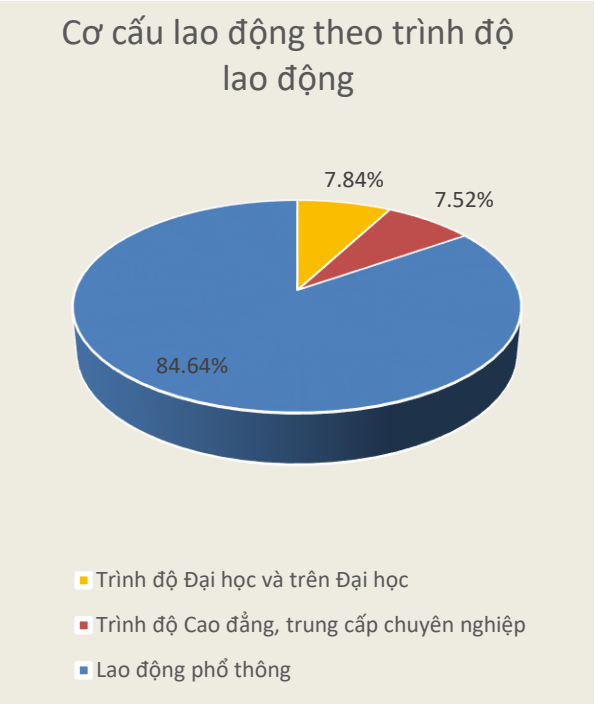

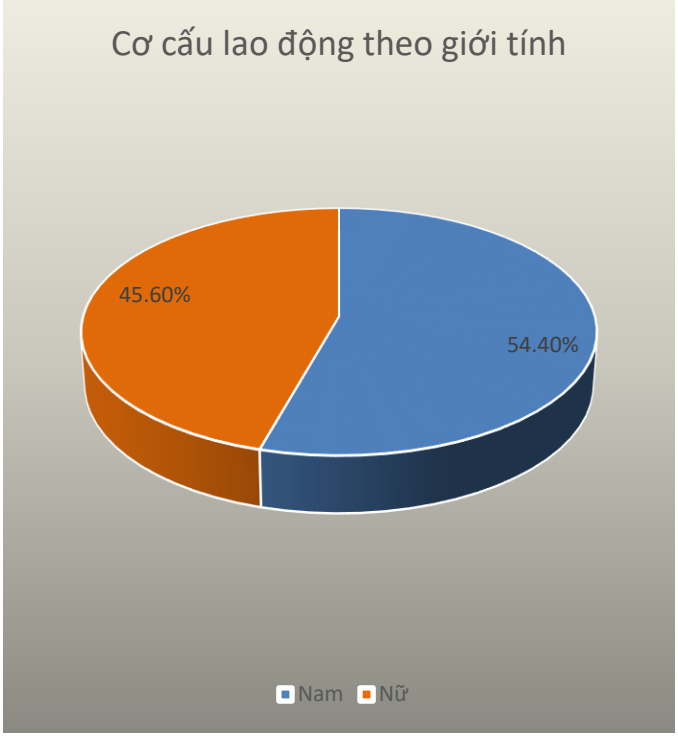

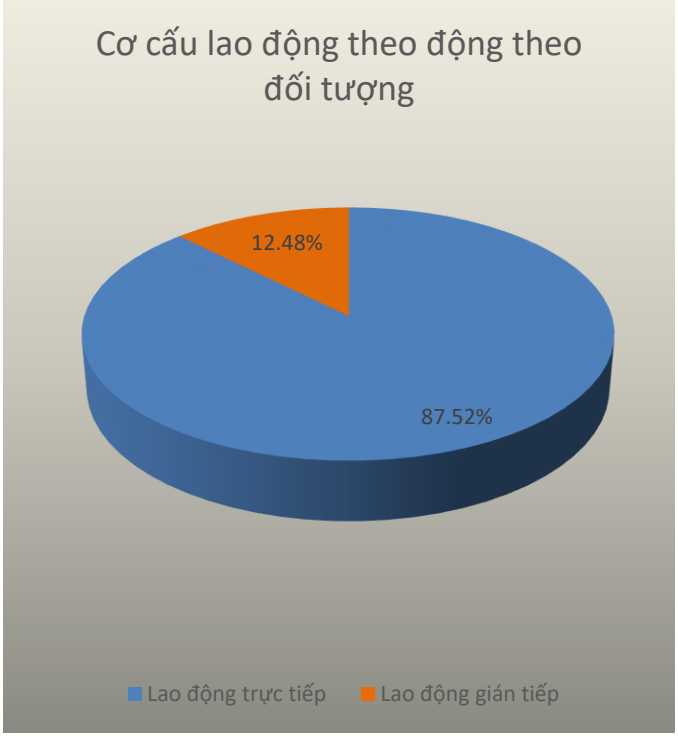

Một số chính sách với người lao động năm 2016

Lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí, kỹ năng, trình độ chuyên môn của từng cá nhân trong Công ty. Ngoài ra CBCNV trong công ty còn được hưởng ưu đãi mua cổ phiếu, trái phiếu của Công

Chế độ làm việc

Theo ca kíp, chế độ làm việc, nghỉ thai sản... theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Đào tạo, tuyển dụng

Chú trọng đào tạo và phát triển nhân viên, bổ nhiệm cán bộ trẻ có năng lực.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

NHÀ MÁY SỢI EIFFEL

- Thời gian khởi công: 11/2015
- Thời gian hoạt động: 10/2016
- Công suất: 600 tấn/tháng
- Tổng vốn đầu tư: 300 tỷ đồng
- Nhà máy đã đi vào sản xuất, công suất 580 tấn sợi/tháng

KHU NHÀ Ở XÃ HỘI

- Địa điểm: 39-40 P.Quang Trung , Tp. Thái Bình
- Tiến độ: Hoàn thành 85%, dự kiến cuối tháng 4/2017 sẽ đưa cư dân vào sinh sống. Dự án vượt tiến độ trước 6 tháng.
- Tổng vốn đầu tư: 300 tỷ đồng

KHU ĐÔ THỊ PHÚ XUÂN DAMSAN

- Địa điểm: Xã Phú Xuân, Tp. Thái Bình
- Tổng vốn đầu tư: 300 tỷ đồng
- Khởi công:
- Quy mô: Diện tích giải phóng mặt bằng 10,5ha gồm 274 lô nhà liền kề và 74 lô biệt thự.
- Tiến độ: Giải phóng mặt bằng trong 5 tháng với chi phí thấp nhất. Hiện tại đã bàn giao nhận đất trên hồ sơ và trên thực địa, đã và đang thi công phần hạ tầng, sang bằng lấp trũng và tiến hành bán nhà xây thô để thu hồi vốn. Số lượng khách hàng đăng ký đạt 50%, tuy nhiên việc thu tiền chưa đạt như tiến độ!

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2016 so với 2015
Tổng tài sản	Đồng	323.855.617.619	280.510.765.547	87%
Tổng doanh thu	Đồng	950.355.868.490	913.715.899.590	96%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-5.765.269.899	11.071.965.918	-192%
Biên LNST	Đồng	-1%	1%	-200%

Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	2016 so với 2015
Tổng tài sản	Đồng	74.006.587.928	284.876.260.903	385%
Tổng doanh thu	Đồng	642.056.794	56.970.123.433	8873%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	501.492.459	-260.225.260	-52%
Biên LNST	Đồng	78%	0%	-1%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2016

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% chênh lệch
Tổng giá trị tài sản	1.055.685	1.265.210	19,85%
Doanh thu thuần	301.337	1.103.309	-15,22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.949	37.312	212,25%
Lợi nhuận khác	2.004	3.570	78,16%
Lợi nhuận trước thuế	13.953	40.882	192,99%
Lợi nhuận sau thuế	11.762	35.493	201,75%
Tỷ lệ cổ tức	15%	20%	33,33%

Với sự đầu tư mạnh mẽ vào các dự án như Nhà máy kéo sợi Eiffel, nhà khách Damsan 2, nhà điều hành khu Quang Trung, mua sắm máy móc thiết bị cho nhà máy Damsan 2, tổng tài sản của doanh nghiệp tăng mạnh (19,85%) so với năm 2015. Hoạt động ngành dệt may năm 2016 gặp nhiều khó khăn làm doanh thu công ty cũng giảm 15,22% , tuy nhiên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế, lợi nhuận khác tăng vượt bậc lần lượt ở mức 212,25%, 201,75%, 78,16% qua đó mức cổ tức cũng tăng 33% so với năm 2015.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	**1,10**	**0,92**
Hệ số thanh toán nhanh (= (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	**0,87**	**0,68**
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	**0,78**	**0,80**
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	**3,51**	**3,93**
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	**7,21**	**5,38**
Vòng quay tổng tài sản (=Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	**1,23**	**0,87**
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	**0,90**	**3,22**
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	**5,02**	**13,84**
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	**1,11**	**2,81**
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	**0,92**	**3,39**

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN (LẦN)

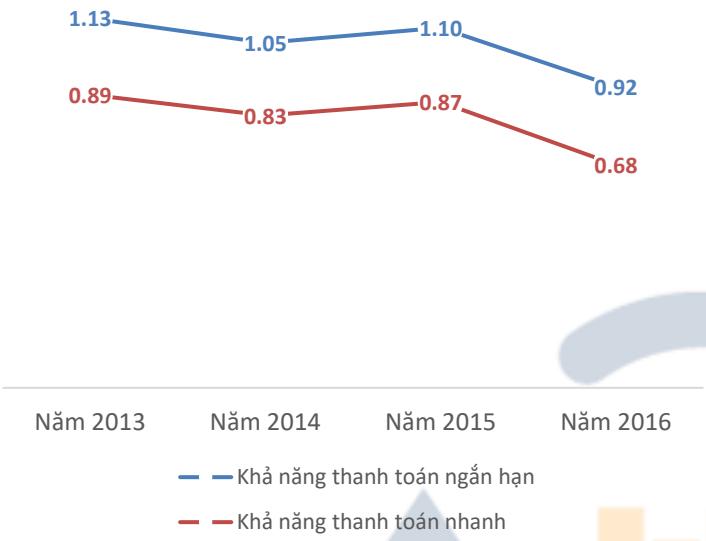

Các hệ số thể hiện khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp năm 2016 giảm so với năm 2015. Tài sản ngắn hạn giảm 5,35% trong khi nợ ngắn hạn tăng 13,17%, hàng tồn kho tăng 19,45% dẫn đên hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,18 lần, còn ở mức 0,92 lần; hệ số thanh toán nhanh giảm 0,19 lần, còn ở mức 0,68 lần. Hai hệ số này của doanh nghiệp đều nhỏ hơn 1, doanh nghiệp cần chú ý tới các khoản nợ để đảm bảo khả năng thanh toán của mình.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN (LẦN)

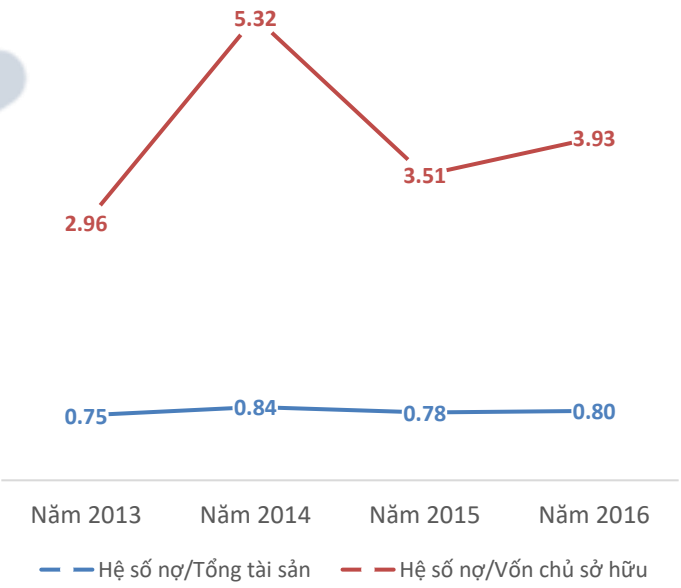

Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tăng so với năm 2015, lần lượt ở mức 0,80 lần và 3,93 lần; doanh nghiệp đang sử dụng nhiều vốn nợ hơn để tài trợ cho tài sản, chi phí tài chính năm 2016 cũng tăng 11% so với năm 2015.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

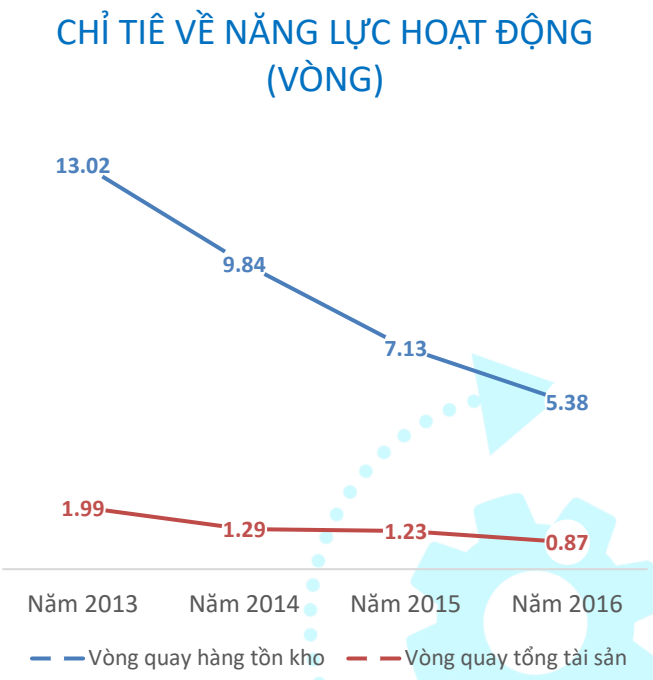

Trong tình hình khó khăn của ngành, doanh nghiệp cũng bị ảnh hương, các hệ số thể hiện năng lực hoạt động của doanh nghiệp năm 2016 đều giảm so với năm 2015. Vòng quay hàng tồn kho giảm 1,83 lần tăng hàng tồn kho, giảm khả năng quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vòng quay tổng tài sản cũng giảm 0,36 lần so với năm 2015 hiệu suất sử dụng tài sản của doanh nghiệp giảm

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2016 là một năm thành công với doanh nghiệp khi các chỉ số về khả năng sinh lời của doanh nghiệp tăng mạnh, dù doanh thu giảm, nhưng doanh nghiệp đã tối thiểu hóa được chi phí, lợi nhuận sau thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế tăng mạnh mẽ, ROE của doanh nghiệp tăng 275,30% đạt mức 13,84%.

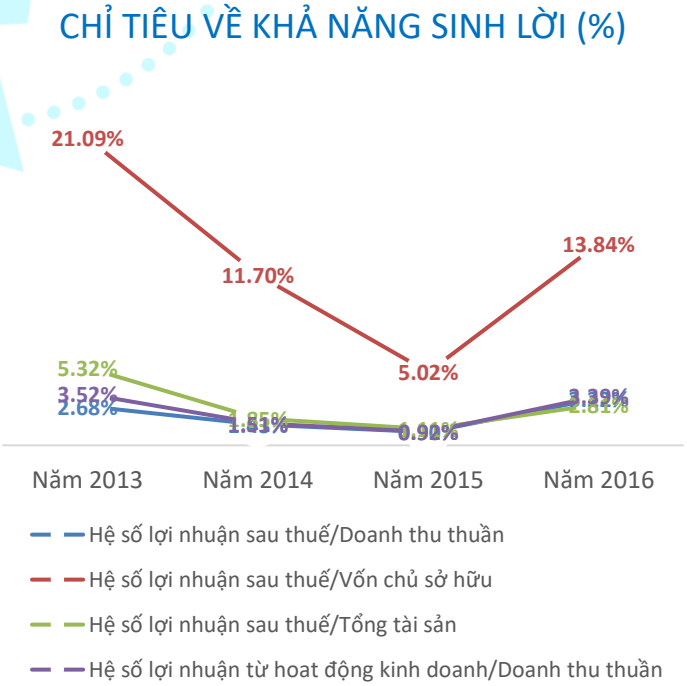

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu	ADS
Vốn điều lệ	168.375.000.000 đồng
Số lượng cổ phần	16.837.500 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng
Số cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông	16.837.500 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	16.837.500 cổ phiếu

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU TRONG NĂM

- Ngày 08/11/2016, Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM chấp thuận niêm yết bổ sung 803.500 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 5%

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 160.700.000.000 VNĐ

- Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu: 168.735.000.000 VNĐ

Bảng cơ cấu cổ đông:

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	395	98,75%
- Tổ Chức	5	1,25%
- Cá nhân	390	97,50%
Cổ đông nước ngoài	5	1,25%
- Tổ chức	2	0,50%
- Cá nhân	3	0,75%

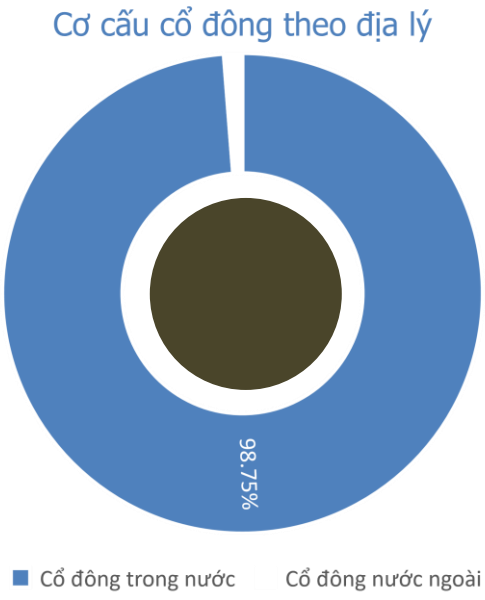

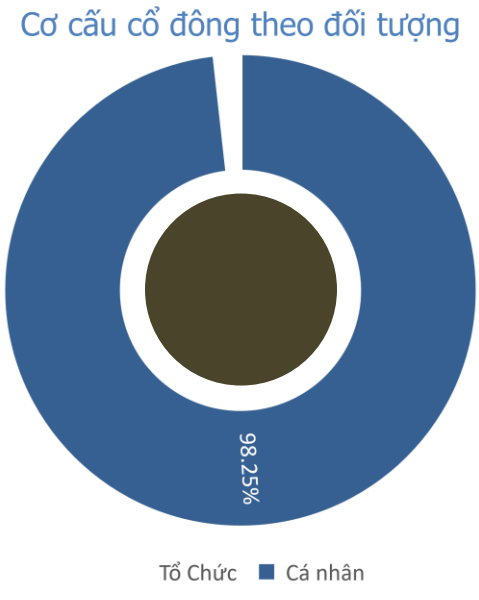

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn sau phát hành
12/06/2006	Vốn điều lệ đăng ký thành lập		12.000.000
10/08/2007	Cổ đông hiện hữu	20.329.000	32.329.000
20/08/2010	Cổ đông hiện hữu	27.671.000	60.000.000
21/06/2012	Phát hành riêng lẻ	20.700.000	80.700.000
24/06/2013	Phát hành riêng lẻ	20.000.000	100.700.000
23/10/2015	Phát hành riêng lẻ	60.000.000	160.700.000
08/11/2016	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	8.034.810	168.734.810

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

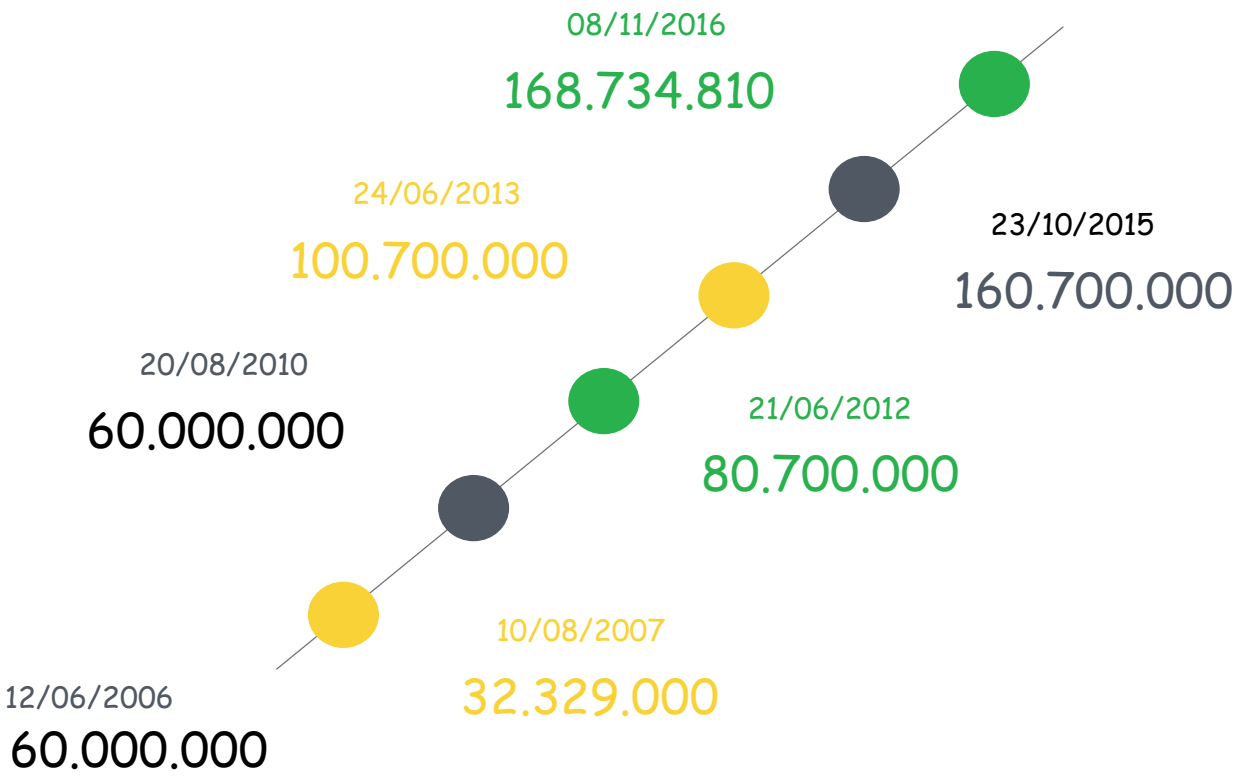

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty không có cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016 được đánh giá là một năm nhiều khó khăn và thử thách đối với ngành dệt may nói chung và dệt may ở các thị trường chính tăng trưởng rất thấp.Trong khi đó, sự tăng trưởng chậm của Trung Quốc kinh tế đó, dưới sự điều hành sáng suốt của HĐQT, sự quyết tâm điều hành quyết liệt và chuẩn mực hết sức to lớn so với quy mô của tầm trung của mình.

Thuận lợi

Các cơ chế chính sách của Nhà nước từ Trung ương tới Tỉnh, thành phố và các sở ngành đã từng bước cởi mở theo hướng tạo thuận lợi và cơ hội cho người dân và doanh nghiệp, tỷ giá ổn định, mặt bằng lãi suất vừa phải tương đương với giá vốn vay ở một số nước trong khu vực. Việc tiêu thụ hàng hóa của thị trường trong nước và quốc tế có tốc độ tăng trưởng cao, giá dầu và nguyên liệu đầu vào của ngành bông sợi tương đối thấp nguồn cung dồi dào, đội ngũ cán bộ công nhân viên toàn Công ty có đủ việc làm và thu nhập ở mức khá so với mặt bằng nên rất yên tâm sản xuất kinh doanh.

Sự điều hành của Công ty luôn ở tốc độ cao và rất linh hoạt trong sản xuất kinh doanh đáp ứng được với sự phát triển của thị trường hàng hóa nhất là lĩnh vực xuất nhập khẩu. Việc quản lý sản xuất sợi, khăn, quản lý trong đầu tư nhà máy sợ EIFFEL, nhà máy dệt Toyta, quản lý đầu tư tòa nhà 15 tầng 286 căn hộ, tiến hành giải phóng mặt bằng đầu tư khu đô thị Phú Xuân Damsan 10,5 ha tại Thành phố Thái Bình, quản lý và tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu sợi, khăn tại thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Úc đều phát huy tác dụng đạt hiệu quả cao.

ngành sợi nói riêng. Nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng và hồi phục chậm hơn dự kiến dẫn đến sức cầu các sản phẩm cùng với nguồn cung dư thừa đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt về giá ở hầu hết các mặt hàng. Trong bối cảnh và của ban Tổng giám đốc Công ty đã khắc phục khó khăn, tận dụng mọi cơ hội, thời cơ gặt hái được những thành quả

Tồn tại cần khắc phục

- Quý I/2016 tốc độ tiêu thụ sợi chủ lực là sợi CD và OE đều rất chậm, giá xuống tới mức gây lỗ so với giá thành, tồn kho ở mức cao so với dự trữ có thể, đồng nhân dân tệ mất giá làm cho các nhà nhập khẩu sợi lo sợ tới mức không giám nhập khẩu cho sản xuất quá 15 ngày nên dẫn tới lợi nhuận 6 tháng đầu năm toàn công ty chỉ đạt 10 tỷ - một mức thấp so với yêu cầu.
- Sự điều hành của Công ty vẫn mang nặng tính mệnh lệnh vì chủ yếu Ban lãnh đạo Công ty đều phải chỉ đạo cụ thể, các nhà máy trong công ty vẫn trông chờ và ỷ lại vào sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo công ty, chỉ riêng Phòng khăn bông và Ban quản lý dự án là chủ động được. Việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn công ty vẫn còn những bất cập người thừa, người thiếu, đây là những lỗ hổng cần có biện pháp và chế tài khắc phục ngay.

VỀ SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Hạng mục	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm
Bông nguyên liệu nhập khẩu	11.000 tấn, trong đó: Bông dùng SX: 10.000 tấn Bông kinh doanh: 1.000 tấn	19.941 tấn, trong đó: Bông dùng SX: 12.000 tấn Bông kinh doanh: 7.941 tấn	8.941 tấn
Sợi sản xuất: **- Sợi OE** **- Sợi CD** **- Sợi CD kinh doanh**	5.594 tấn 4.021 tấn 6.626 tấn	5.492 tấn 4.049 tấn 4.255 tấn	(102) tấn 28 tấn (-2371) tấn
Khăn bông SX	1.248 tấn	1.228 tấn	(20) tấn
Khăn bông XK	1.072 tấn	1.130 tấn	58 tấn

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN GỘP

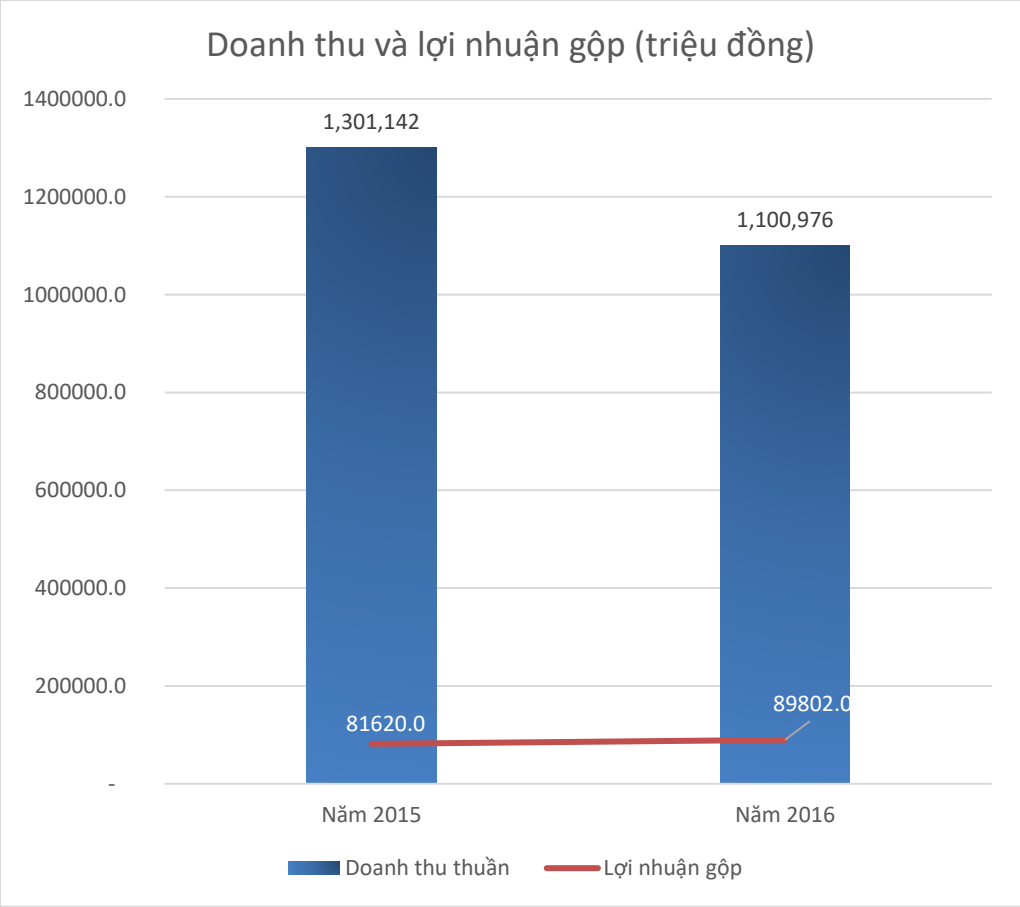

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CHI PHÍ

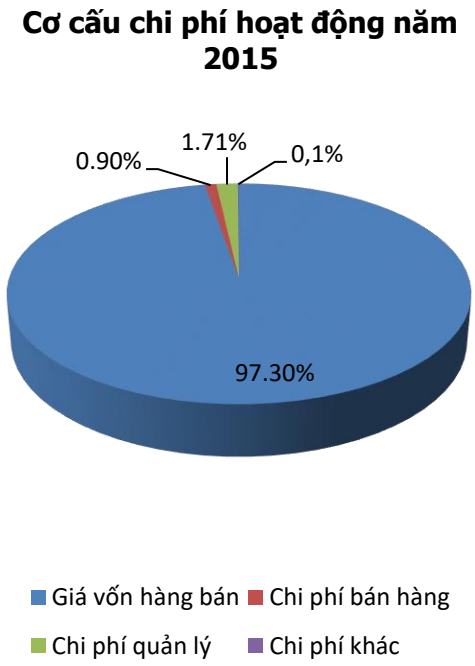

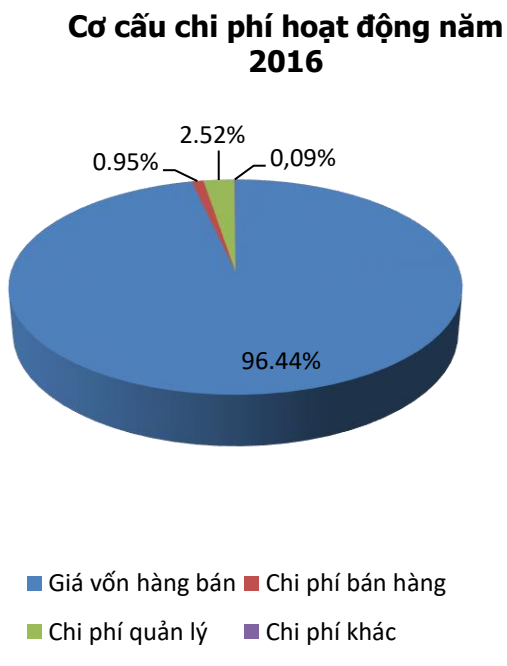

Cơ cấu chi phí của doanh nghiệp thay đổi không nhiều, tỷ trọng giá vốn hàng bán năm 2016 có giảm nhưng chi phí của doanh nghiệp chủ yếu là giá vốn hàng bán (96,44%). Chi phí quản lý và chi phí bán hàng năm 2016 tăng nhẹ và chiếm tỷ trọng thấp lần lượt là 2,52% và 0,95%.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	833.183	78,92%	788.649	62,33%	-16,59%
Tài sản dài hạn	222.502	21,08%	476.561	37,67%	16,59%
Tổng tài sản	1.055.685	100%	1.265.210	100%	-

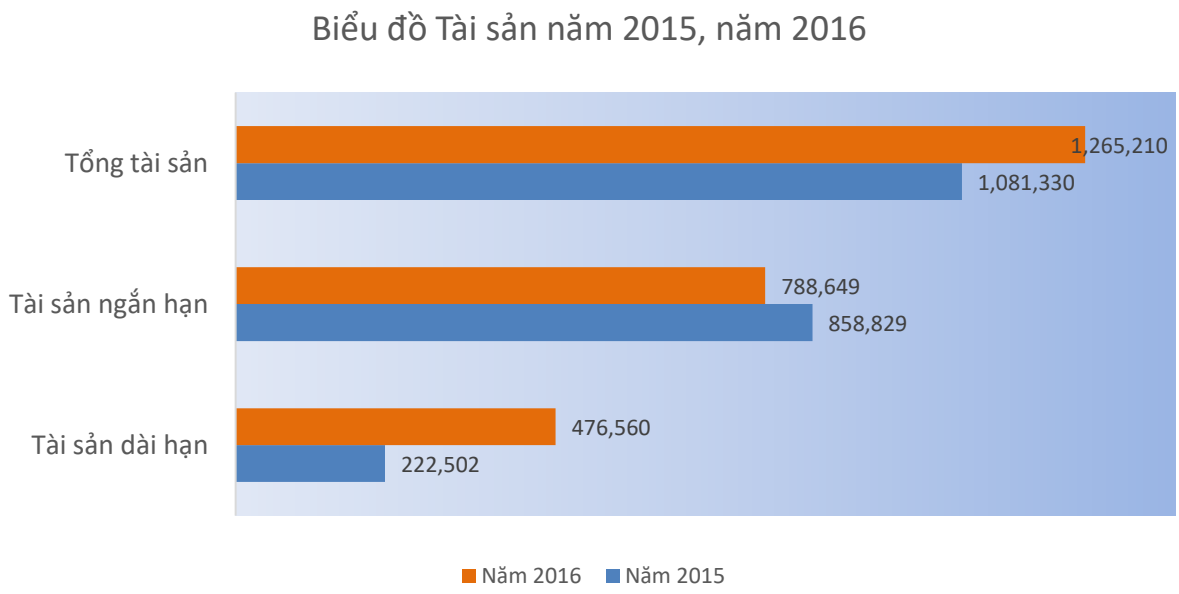

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN NĂM 2016

Năm 2016, Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp giảm 16,59% so với năm 2015, Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (68,41%), tiếp đó là các Đầu tư tài chính ngắn hạn (15,77%) và Tiền và các khoản tương đương tiền (11,49%). Trong Hàng tồn kho, Chi phí SXKD dở dang chiếm tỷ trọng lớn nhất (99,836 tỷ đồng – 48,83%) tiếp đến là Nguyên vật liệu (59,038 tỷ đồng – 28,87%)

Cơ cấu Tài sản dài hạn

Trong Tài sản dài hạn,Tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất với 73,73%, tiếp đó là Tài sản dở dang dài hạn chiếm 22,87%. Tài sản dài hạn năm 2016 tăng 16,59% so với năm 2015. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu do Tài sản cố định tăng 72,05% và tài sản dở dang dài hạn tăng 108 tỷ đồng tăng hơn 100 lần so với năm 2015

CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN NĂM 2016

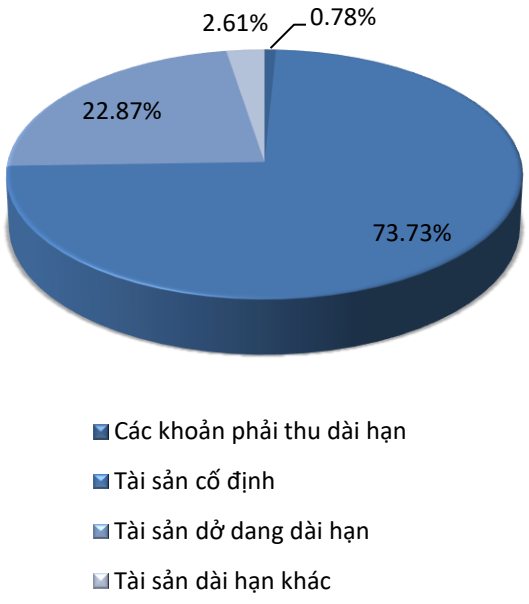

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	758.899	92,37%	858.829	85,13%	7,24%
Nợ dài hạn	62.681	7,63%	150.001	14,87%	-7,24%
Tổng nợ phải trả	821.579	100,00%	1.008.829	100,00%	-

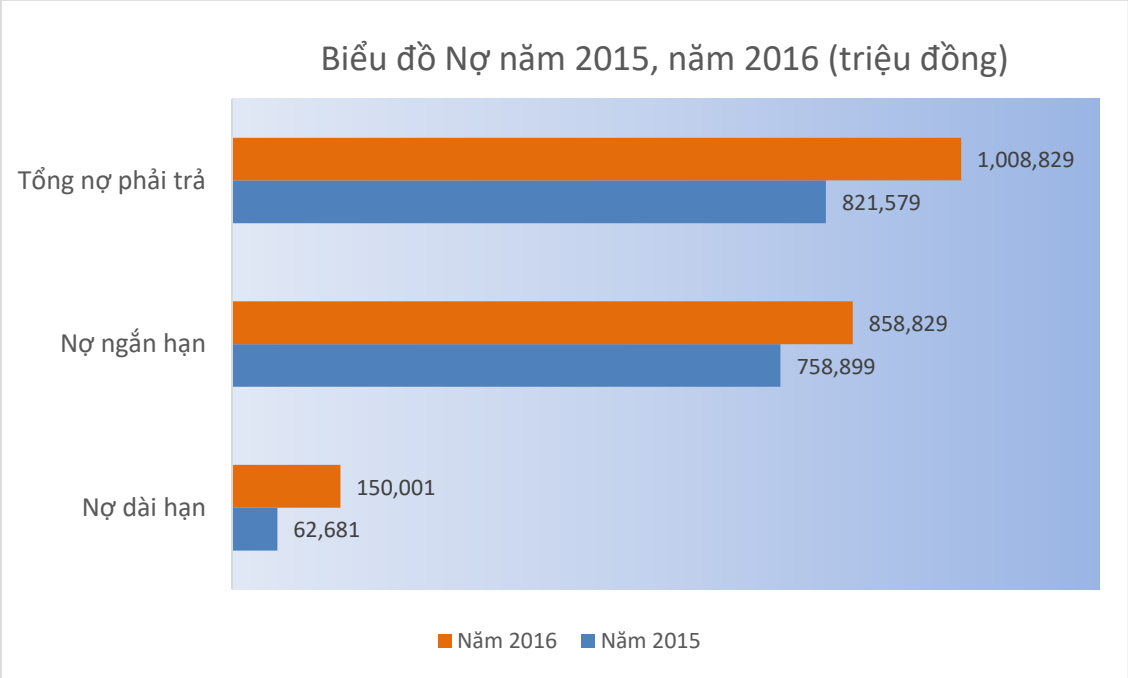

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC

Biên chế công ty trong năm 2016 tăng từ 500 lên 650 người và tiếp tục tăng lên 750 người vào cuối Quý 1/2017. Đội ngu cán bộ công nhân viên trẻ khỏe, có trình độ, có tay nghề và được đào tạo hoàn chỉnh phụ vụ cho sản xuất. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của công ty chủ yếu là trẻ, có năng lực, phẩm chất tốt được đào tạo tại các trường danh tiếng trong nước và ngoài nước.

Trong năm 2016 và đầu năm 2017 Công ty đã kiện toàn bổ nhiệm một Phó tổng giám đốc Công ty là bà Vũ Phương Diệp, một giám đốc Ban quản lý dự án là ông Lê Xuân Tùng, thay đổi một giám đốc nhà máy sợ Damsan 1 do không hoàn thành nhiệm vụ.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Các hoạt động của Ban giám đốc sẽ được thực hiện theo định hướng, chiến lược của Hội đồng quản trị

Một số chỉ tiêu kế hoạch 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.700 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80 tỷ
Thu nhập bình quân toàn Công ty	Đồng/người/tháng	5.500.000

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2016 là một năm đầy biến động của kinh tế thế giới. Các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Nhật Bản hay Liên minh châu Âu gặp nhiều khó khăn. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến cung cầu hàng hóa trên thế giới. Cùng những diễn biến khó lường của tình hình chính trị, các cuộc xung đột, thiên tai – dịch bệnh … đã tạo ra một năm 2016 đầy khó khăn cho kinh tế thế giới.

Bất chấp những khó khăn của nền kinh tế thế giới, năm 2016 Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao là 6,3%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn so với kế hoạch đặt ra đầu năm của Chính phủ là 6,7% và so với năm 2015 là 6,68%. Để duy trì một tốc độ tăng trưởng tốt thì Chính phủ đã cam kết tiếp tục cải cách thể chế cũng như đẩy mạnh quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới.

VỀ TÌNH HÌNH CỦA NGÀNH NĂM 2016

Ngành dệt may thế giới chịu ảnh hưởng sâu sắc của các biến động kinh tế vĩ mô. Hiện nay, Trung Quốc đang là công xưởng sản xuất dệt may lớn nhất thế giới với chuỗi cung ứng hoàn thiện và các lợi thế về máy móc cũng như nhân công giá rẻ. Trung Quốc, Mỹ, Đức và Nhật bản là những quốc gia tiêu thụ hàng dệt may lớn nhất thế giới. Những Hiệp định thương mại như RCEP sẽ thúc đẩy hình thành những khu vực mậu dịch với chuỗi giá trị dệt may hoàn chỉnh nhờ các quy định nghiêm ngặt trong sản xuất cũng như nguyên tắc xuất xứ.

Ngành dệt may là một trong những ngành mũi nhọn của Việt Nam, là ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai với giá trị xuất khẩu đóng góp 10-15%GDP. Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, Việt Nam chủ yếu mới chỉ tham gia khâu tạo ra giá trị gia tăng thấp nhất là cắt may với phương thức sản xuất gia công đơn giản CMT. Các doanh nghiệp trong nước còn yếu kém trong những khâu thâm dụng tri thức như xây dựng hệ thống phân phối, xuất khẩu, thiết kế và xây dựng hiệu.

Trong năm 2016, tình hình dệt may thế giới không khả quan. Các quốc gia nhập khẩu dệt may chính là Mỹ, EU, Nhật Bản đều có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa dệt may rất thấp, hoặc suy giảm. Cụ thể, nhập khẩu dệt may của thị trường Mỹ năm 2016 ước đạt 113,8 tỷ USD, giảm 4,84% so với năm 2015; nhập khẩu dệt may của Nhật Bản ước đạt 34,7 tỷ USD, giảm 1,7%; nhập khẩu dệt may của Hàn Quốc ước đạt 13,3 tỷ USD, giảm 4,03%. Riêng thị trường Châu Âu có tín hiệu khả quan hơn với mức tăng trưởng nhập khẩu dệt may là 5,12%, ước đạt 260 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành Dệt may Việt Nam năm 2016 ước đạt 28,3 tỷ USD, chỉ tăng 5% so với năm 2015. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đi Mỹ đạt 11,8 tỷ USD, tăng 5,8%; đi EU đạt 3,7 tỷ USD, tăng 6,3%; đi Nhật Bản đạt 3,1 tỷ USD, tăng 5,4%, đi Hàn Quốc đạt 2,6 tỷ USD, tăng 5,1%. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam chỉ tăng trưởng một con số trong năm 2016, nhưng xét trong tổng thể toàn cầu cũng như các biến động kinh tế, chính trị lớn tại các thị trường chính thì đây là một nỗ lực đáng ghi nhận.

Hơn nữa, nếu so sánh tương quan với các đối thủ cạnh tranh chính, dệt may Việt Nam với mức tăng trưởng 5,7% là cao nhất trong nhóm. Cụ thể, trong năm 2016, đối với Trung Quốc, kim ngạch xuất khẩu dệt may 262 tỷ USD, giảm 4,2% so với năm 2015, trong đó xuất khẩu đi Mỹ giảm 7,9%, EU giảm 3%, Nhật giảm 1,1%, Hàn Quốc giảm 7,9%. Đối với Ấn Độ, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may ước đạt 35 tỷ USD, giảm 4,7%, trong đó xuất khẩu đi Mỹ giảm 0,8%, đi EU giảm 0,4%, Hàn Quốc 0,3%, riêng thị trường Nhật tăng nhẹ 1,6%. Đối với Bangladesh, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt gần 34 tỷ USD, tăng 4,9%, trong đó xuất khẩu đi Mỹ giảm 3%, đi EU tăng 8,4%, đi Nhật Bản tăng 18,5%, đi Hàn Quốc giảm 2,2%. Đối với Indonesia, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may ước đạt 11,6 tỷ USD, giảm 5,3%, xuất đi Mỹ giảm 5,6%, EU giảm 4,4%, Nhật giảm 0,5%, Hàn Quốc tăng 9%.

Trong điều kiện giá cả hàng hóa toàn cầu giảm như giá dầu, giá nguyên liệu sản phẩm trong đó có giá bông giảm theo, thị trường Trung Quốc trầm lắng, nhiều nhà máy đóng cửa, các nhà sản xuất vải sợi trong nước cũng khó khăn song với sự nỗ lực của công ty, công ty sản xuất sợi, khăn vẫn tiêu thụ ổn định.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ĐÃ LÀM ĐƯỢC NĂM 2016

1. Tổ chức sản xuất kinh doanh

Năm 2016 dựa vào chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đổng cổ đông thông qua, lãnh đạo công ty đã tập trung chỉ đạo theo từng đầu việc, từng thời điểm với tốc độ quyết liệt, nhanh nhất, đúng quy đinh của pháp luật. Từ sản xuất sợi CD tại Nhà máy Damsan 1, Nhà máy sợi EIFFEL đến sản xuất sợi OE, mặt hàng khăn bông tại Nhà máy Damsan 2. Tập trung tiêu thụ sợi OE, CD và khăn bồng tốt mặc dù thị trường rất khó khăn.

Tháng 6/2016, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao địch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Sự kiện Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán đánh đấu một bước tiến mới, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của công ty trong thời gian tới, là động lực để công ty không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, minh bạch hơn trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, thông qua thị trường chứng khoán, Công ty sẽ nhận được thêm nhiều sự quan tâm của công chúng đầu tư, mang đến cho các nhà đầu tư thêm cơ hội lựa chọn trong việc đầu tư tài chính, Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư và doanh nghiệp cùng sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tăng cường sự gắn bó lâu dài giữa nhà đầu tư và công ty.

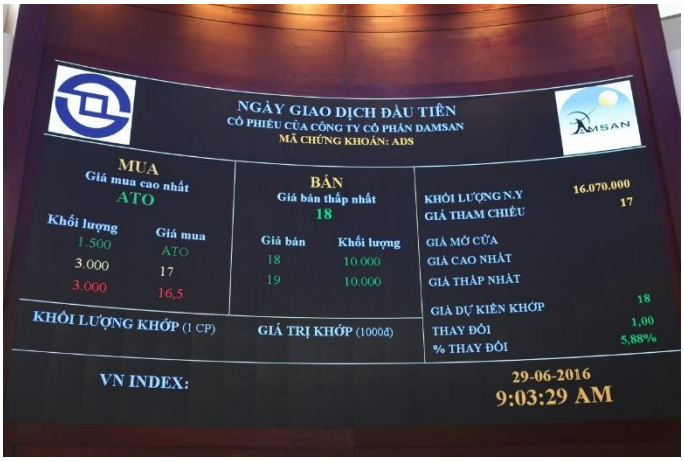

2. Về đầu tư

Đầu tư thành công nhà máy sợi EIFFEL gần 300 tỷ đồng, Nhà máy đã đi vào sản xuất.

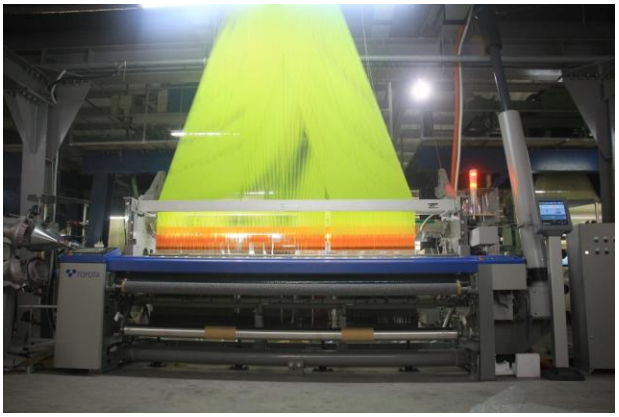

Đầu tư Tòa nhà ở xã hội quy mô 15 tầng, 286 căn hộ theo hình thức hợp đồng chuyển giao BT cơ bản xong được 85%, dự kiến cuối tháng 4/2017 sẽ đưa cư dân vào sinh sống, dự án này về trước tiến độ là 6 tháng.

Giải phóng mặt bằng thành công 10,5 ha tại Khu đô thị Phú Xuân Damsan gồm 248 lô nhà liền kề và 76 lô biệt thự với mức chi phí thấp nhất. Hiện Khu đồ thị Phú Xuân Damsan đã thực hiện xong việc bàn giao nhận đất trên hồ sơ và trên thực địa, đã và đang thi công phần hạ tầng, san bằng lấp trũng và tiến hành bán nhà xây thô để thu hồi vốn. Khách đặt mua đạt 50% số sản phẩm thương phẩm.

3. Công tác tổ chức bộ máy

Biên chế công ty trong năm 2016 tăng từ 500 lên 650 và tiếp tục tăng lên 750 người vào cuối Quý 1/2017. Đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ khỏe, có trình độ, có tay nghề và được đào tạo hoàn chỉnh phục vụ cho sản xuất. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của công ty chủ yếu là trẻ, có năng lực, phẩm chất tốt được đào tạo tại các trường danh tiếng trong nước và ngoài nước.

Trong năm 2016 và đầu năm 2017 Công ty đã kiện toàn bổ nhiệm một Phó tổng giám đốc Công ty là bà Vũ Phương Diệp, một giám đốc Ban quản lý dự án là ông Lê Xuân Trùng, thay đổi một giám đốc nhà máy sợi Damsan 1 do không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên

Công ty là một trong các doanh nghiệp có đủ các tổ chức chính trị xã hội: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, đảm bảo các quyền lợi chính trị cho tập thể người lao động. Công tác Đảng, Công đoàn, đoàn thanh niên đều được triển khai đồng bộ phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Năm 2016 công ty đã trích 500 triệu đồng từ Quỹ khen thưởng phúc lợi cho hơn 450 CBCNV đi nghỉ mát tại bãi biển sầm Sơn - Thanh Hóa và Tuần Châu-Quảng Ninh tạo động lực làm việc cho người lao động hăng say lao động sản xuất và đánh dấu sự kiện Công ty tròn 10 năm phát triển.

5. Công tác từ thiện

Thấm nhuần đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Lá lành đùm lá rách", trong năm 2017 Công ty đã chi khoảng 700 triệu đồng *đóng góp cho xã hội từ thiện và xã hội hóa chỉnh trang thành phố Thái Bình*

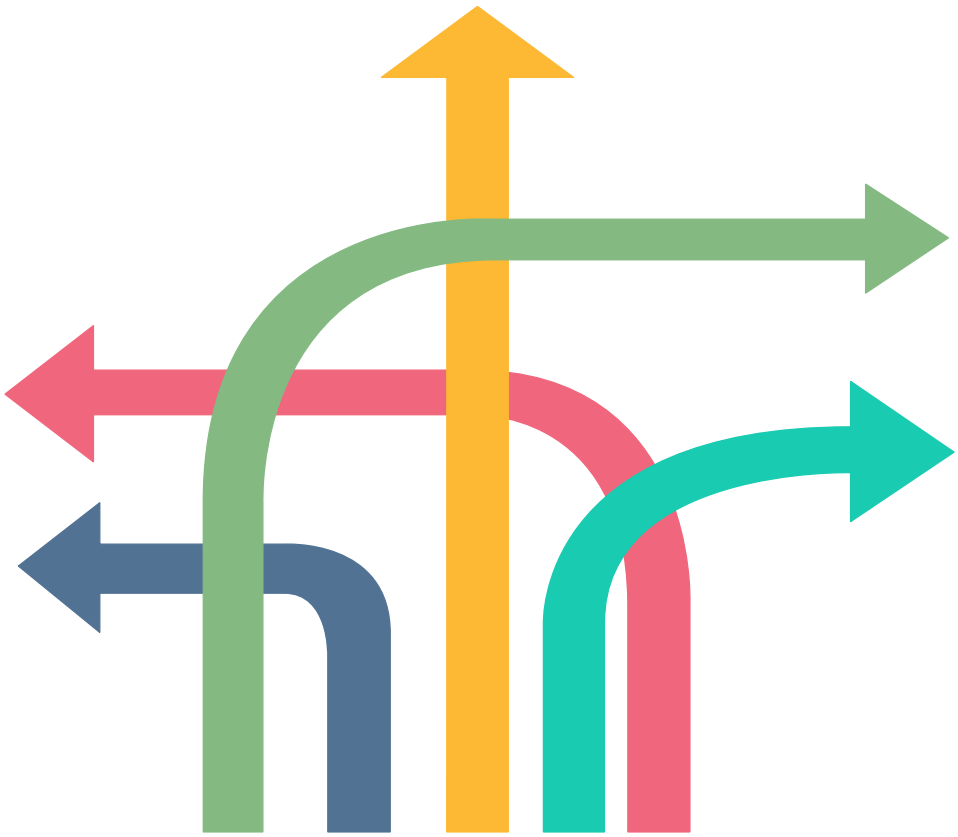

Năm 2017 tình hình kinh tế trong nước tiếp phát triển và tăng trưởng, kinh tế quốc tế có dấu hiệu thuận lợi, sức tiêu thụ cao, giá cả theo chiều hướng tăng hứa hẹn một năm cạnh tranh khốc liệt, xu thế bảo hộ mặc định của một số quốc gia lớn đứng đầu là Mỹ sẽ là một thách thức với các quốc gia thiên về xuất khẩu hàng hóa trong đó có Việt Nam.

Để tiếp tục khai thác những thuận lợi, tiềm năng hiện có của công ty các Nhà máy đang hoạt động hết công suất nhưng gần hết khấu hao, thương hiệu uy tín Damsan trên thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, các dự án của công ty đã triển khai trong năm 2016 sang năm 2017 sẽ phát huy tác dụng và đi vào khai thác đồng thời khắc phục những khó khăn hiện hữu như giá nguyên liệu bông năm 2017 có thể lên xuống thất thường, nhập siêu của Việt Nam sẽ tăng trở lại kéo theo tăng đột biến về tỷ giá giữa USD/VNĐ.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHO NĂM 2017

1. Về sản xuất kinh doanh

Tập trung khai thác tối đa năng lực sản xuất của 3 nhà máy sợi đảm bảo sản xuất tới đâu tiêu thụ tới đó, khai thác những lợi thế, thời cơ, thuận lợi như cơ chế hỗ trợ của nhà nước, những ngành hàng kinh doanh đang tốt như nhà ở xã hội, đất nền và nhà xây thô.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:

Tổng doanh thu: 1700 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 80 tỷ đồng

Kim ngạch XNK: 70 triệu USD, trong đó xuất khẩu là 40 triệu USD và nhập khẩu là 30 triệu USD

Thu nhập bình quân đầu người: 5,5 triệu đồng/người/tháng

2. Phát hành cổ phiếu

Để tiếp tục đầu tư vào sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu vốn cho công ty phát triển công ty sẽ phát hành 10 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 nghìn đồng/cổ phiếu, giá bán dự kiến là 17.000đồng/cổ phiếu thu về khoảng 170 tỷ đồng, trong đó cho các cổ đông hiện hữu là 5,5 triệu và cho các cổ đông chiến lược là 4,5 triệu.

3. Phát hành trái phiếu chứng quyền

Phát hành trái phiếu chứng quyền cho Ngân hàng thương mại 200 tỷ đồng với thời hạn là 5 năm. Việc phát hành 10 triệu cổ phiếu và 200 tỷ đồng trái phiếu nhằm phục vụ cho đầu tư mờ rộng cụm công nghiệp An Ninh và đầu tư nhà máy 50.000 cọc sợi tại Tiền Hải.

4. Về bất động sản

Hoàn thiện tòa nhà DAMSAN TOWER 15 tầng, 286 căn hộ để bàn giao xong trong Quý n/2017.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng Khu đô thị Phú Xuân Damsan và bán nhà xây thô cho các hộ dân, dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2018 với 76 Lô biệt thự và 248 lô liền kề

Triển khai 2 khu dân cư tại Tổ39+40 Phường Quang Trung và Hợp tác xã Hữu Nghị tại Phường Bồ Xuyên

5. Đầu tư Cụm công nghiệp Damsan An Ninh

Đầu tư Cụm công nghiệp Damsan An Ninh diện tích 49,5 ha. Quy mô khoảng 10 nhà máy với 5.000 lao động. Tổng đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp khoảng 250 tỷ đồng.

Dự án này hiện đang làm hồ sơ pháp lý trình Tỉnh phê duyệt, dự kiến tháng 7/2017 giải phóng mặt bằng và làm hạ tầng vào Quý IV/2017.

6. Đầu tư Nhà máy sợi Damsan An Ninh

Đầu tư Nhà máy sợi Damsan An Ninh công suất 50.000 cọc sợi veri loại máy móc thiết bị hiện đại nhất, chủ yếu là tự động hóa, tổng mức đầu tư khoảng 420 tỷ đồng, thời gian dự kiến triển khai từ Quý IV/2017

7. Thi công Tháp Thái Bình tại Phường Hoàng Diệu

Hiện nay Công ty đang làm hồ sơ trình Tỉnh phê duyệt phương án thi công Tháp Thái Bình với tổng mức đầu tư dự kiến là 300 tỷ, nguồn vốn đầu tư là nguồn vốn của nhà nước và xã hội hóa. Nếu được UBND Tỉnh chấp thuận Công ty Damsan sẽ là nhà thầu thi công Tháp Thái Bình, thời gian triển khai: 2017-2018.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	05	100%	
3	Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	05	100%	
4	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	05	100%	
5	Ông Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT	05	100%	

Trong năm 2016, HĐQT đã giao cho Ban Tổng giám đốc điều hành và thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sợi OE, sợi CD, sợi se đôi, sản xuất và xuất khẩu khăn bông.
- Niêm yết thành công 16,07 triệu cổ phiếu ADS trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 06/2016.
- Đầu tư thành công nhà máy sợi EIFFEL gần 300 tỷ đồng tại Xã Đông Xuân - Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình gồm 40.000 cọc sợi.
- Đầu tư nhà ở XH cho người thu nhập thấp tại Tổ 39 Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình cao 15 tầng với quy mô 286 căn hộ, hoàn thành được 85%, dự kiến cuối tháng 4/2017 sẽ đưa hộ dân vào sinh sống.
- Giải phóng mặt bằng thành công 10,5 ha tại Khu đô thị Phú Xuân Damsan gồm 274 lô nhà liền kề và 74 lô biệt thự.

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc:

- HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, đôn đốc và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- HĐQT thường xuyên kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của công ty.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	0107/2016/NQ-HĐQT	01/017/2016	• Báo cáo tóm tắt việc thực hiện niêm yết thành công chứng khoán ADS trên sàn HOSE và thống nhất các công việc phải làm sau niêm yết. • Thông qua phương án vay HMTD tại ngân hàng HDBank.
2	0108/2016/NQ-HĐQT	01/08/2016	• Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm. • Thông qua phương án vay HMTD tại ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – CN Tây Đô, ngân hàng BIDV và ngân hàng VIB.
3	2809/2016/NQ-HĐQT	28/09/2016	• Thông qua việc triển khai phương án trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu. • HĐQT thống nhất giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015.
4	2010/2016/NQ-HĐQT	20/10/2016	• Báo cáo kết quả SXKD quý III và kế hoạch quý IV năm 2016. • Thông qua phương án vay HMTD tại ngân hàng Indovina và ngân hàng MBBank.
5	2912/2016/NQ-HĐQT	29/12/2016	• Báo cáo sơ bộ kết quả SXKD, dự kiến lợi nhuận năm 2016. • Thông qua kế hoạch tổ chức Lễ tổng kết năm 2016. • Đề xuất kế hoạch trả thưởng và trao quà tết năm 2016 cho CBCNV.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Sô buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Văn Hiệu	Trưởng BKS	02	100%	
2	Bà Phạm Thị Hồi	Thành viên BKS	02	100%	
3	Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên BKS	02	100%	

Các công việc đã thực hiện trong năm 2016

Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.

Tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện và kế hoạch của Công ty năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty. Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.

Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng Quy chế, Quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.

Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty.

Năm 2016 lựa chọn Công ty Kiểm toán là *Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế* theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm định báo cáo Tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo (Quý, sáu tháng, và một năm) của Công ty.

Cử Trưởng BKS tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Tham gia hội nghị CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

Đánh giá hoạt động của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT năm 2016 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Trưởng ban kiểm soát tham dự và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. Các quyết định của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.

Việc tổ chức điều hành chiến lược phát triển SXKD của Công ty đều thực hiện trên cơ sở mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Phương án đầu tư và Dự án đầu tư cơ bản thực hiện đúng quy trình đầu tư với Điều lệ Công ty, đáp ứng chỉ đạo kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các giải pháp về thị trường, triển khai thực hiện đảm bảo tính nguyên tắc và hiệu quả.

Tháng 6/2016, Công ty chính thức niêm yết Cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh:

- Số lượng Cổ phiếu được niêm yết: 16.070.000 Cổ phiếu.
- Giá chào sàn: 17.000VNĐ/ Cổ phiếu.

Đánh giá hoạt động Ban điều hành Công ty

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty.

Ban tổng giám đốc đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2016.

Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (triệu đồng)
Tổng tài sản	1.265.055
Vốn chủ sở hữu	256.226
Doanh thu thuần	1.100.976
Lợi nhuận trước thuế	40.882
Lợi nhuận sau thuế	35.339

Báo cáo tài chính được phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm 31/12/2016 được *Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế* kiểm toán, kiểm tra chấp thuận không có ý kiến ngoại trừ. Kết quả hoạt động SXKD và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đồng thời phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định Pháp lý liên quan.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban giám đốc và cổ đông.

Nhìn chung năm 2016 BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trong năm 2016 BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ

LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN TGĐ VÀ BKS NĂM 2016

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)	Tông thu nhập (đồng/tháng)
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	7.000.000	7.000.000	14.000.000
2	Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	5.000.000	5.000.000	10.000.000
3	Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	5.000.000	5.000.000	10.000.000
4	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	5.000.000	5.000.000	10.000.000
5	Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT	5.000.000	5.000.000	10.000.000
6	Ông Vũ Văn Hiệu	Trưởng BKS	3.000.000	3.000.000	6.000.000
7	Bà Phạm Thị Hồi	Thành viên BKS	2.000.000	2.000.000	4.000.000
8	Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên BKS	2.000.000	2.000.000	4.000.000
	Tổng		**34.000.000**	**34.000.000**	**68.000.000**

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên người nội bộ/người liên quan	Quan hệ	Chức vụ	Hình thức	Số lượng	Số CP trước GD	Số CP sau GD	Tỷ lệ sau GD
Vũ Huy Đông		Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	Chuyển nhượng	77.500 CP và nhận cổ tức 5%	4.147.300	4.273.290	25,32%
Đỗ Văn Khôi		Thành viên HĐQT	Chuyển nhượng	200.000 CP và nhận cổ tức 5%	1.100.000	945.000	5,6%
Đỗ Thị Khuyên	Con đẻ của Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	Nhận chuyển nhượng	200.000 CP và nhận cổ tức 5%	0	210.000	1,24%
Lê Xuân Chiến		Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	Nhận chuyển nhượng	146.000 CP và nhận cổ tức 5%	200.000	563.300	3,34%
Vũ Văn Hiệu		Trưởng BKS	Chuyển nhượng	3.000 CP và nhận cổ tức 5%	30.000	28.350	0,17%
Tạ Thị Tý	Mẹ đẻ của Vũ Văn Hiệu	Trưởng BKS	Nhận chuyển nhượng	1.000 CP và nhận cổ tức 5%	0	1.050	0,01%
Mai Thị Thảo	Vợ của Vũ Văn Hiệu	Trưởng BKS	Nhận chuyển nhượng	1.000 CP và nhận cổ tức 5%	0	1.050	0,01%
Vũ Văn Linh	Em trai Vũ Văn Hiệu	Trưởng BKS	Nhận chuyển nhượng	1.000 CP và nhận cổ tức 5%	0	1.050	0,01%
Phạm Thị Hồi		Thành viên BKS	Chuyển nhượng	5.000 CP và nhận cổ tức 5%	8.000	3.150	0,02%
Vũ Xuân Chiêu	Bố đẻ Vũ Văn Hiệu	Trưởng BKS	Nhận chuyển nhượng	5.000 CP và nhận cổ tức 5%	5.000	10.500	0,06%
Vũ Văn Nhường	Bố đẻ Vũ Thùy Linh	Thành viên BKS	Nhận chuyển nhượng	500 CP và nhận cổ tức 5%	0	525	0,003%

KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đề nghị HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc cơ cấu bộ máy Tài chính và kế hoạch của Công ty.

- Trong tình hình kinh tế hiện nay, HĐQT và Ban Tổng giám đốc cần chú trọng quản trị rủi ro, đánh giá và xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, năng lực quản lý... Làm cơ sở cho việc thực hiện, quản lý tất cả các mặt hoạt động SXKD của Công ty, đồng thời lên kế hoạch xây dựng được chiến lược tổng thể dài hạn trong việc đầu tư các dự án.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2017

- Tham gia soát xét Báo cáo tài chính năm 2017 cùng với Kiểm toán độc lập, kiểm tra các hoạt động đầu tư, xây dựng, thực hiện các dự án của Công ty.
- Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc:
- Thực hiện chiến lược của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty.
- Sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông.
- Chấp hành đúng Điều lệ của Công ty.
- Thực hiện tiến độ huy động vốn cho Đầu tư và kế hoạch dòng tiền sử dụng cho năm 2017.
- Tổ chức thẩm định Báo cáo Tài chính Quý, 6 tháng, một năm. Kiểm tra việc thực hiện tổ chức công tác Tài chính kế toán và các công tác khác.
- Trên đây là báo cáo tình hình kiểm soát các hoạt động năm 2016 của Công ty Cổ phần Damsan . BKS xin báo cáo đại hội Cổ đông.

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất cho doanh nghiệp. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách thay thế bằng cách tắt các thiết bị điện khi không cần thiết; sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa để đạt được hiệu suất sử dụng tốt nhất, ít tiêu hao năng lượng.

Tiêu thụ nước

Mục đích sử d ụng: Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông, đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải thải đúng quy định, không gây ảnh hướng xấu tới môi trường xung quanh.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ pháp luật về môi trường Công ty luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

- Xây dựng hồ sơ pháp lý trong công tác môi trường
    - Thực hiện đăng ký Đề án bảo vệ môi trường
    - Lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
    - Phân công Trạm y tế Công ty theo dõi thường xuyên công tác bảo vệ môi trường
- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ
    - Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/ năm
    - Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp
    - Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước… đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty
    - Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có
    - Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi…

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Chi phí nguyên vật liệu trên số liệu báo cáo Công ty mẹ chiếm khoảng 45% chi phí giá vốn hàng bán và 44% tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu đến từ việc nhập bông để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sợi và khăn. Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm Công ty là bông nguyên liệu hay còn gọi là bông xơ. Bông được Công ty nhập từ thị trường Mỹ, châu Phi, Pakistan, Ấn Độ, Singapore... Nguyên liệu sản xất khăn của Công ty bao gồm các loại sợi OE, sợi cọc, sợi xe, do Công ty tự sản xuất.

Bảng. Chi phí Nguyên vật liệu năm 2013 - 2016

Đơn vị: triệu đồng

	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí NVL	611.529	663.208	700.021	600.746
Giá vốn hàng bán	1.011.174	1.219.523	1.300.999	1.218.310
% CP NVL/GVHB	60,48%	54,38%	53,81%	49,31%

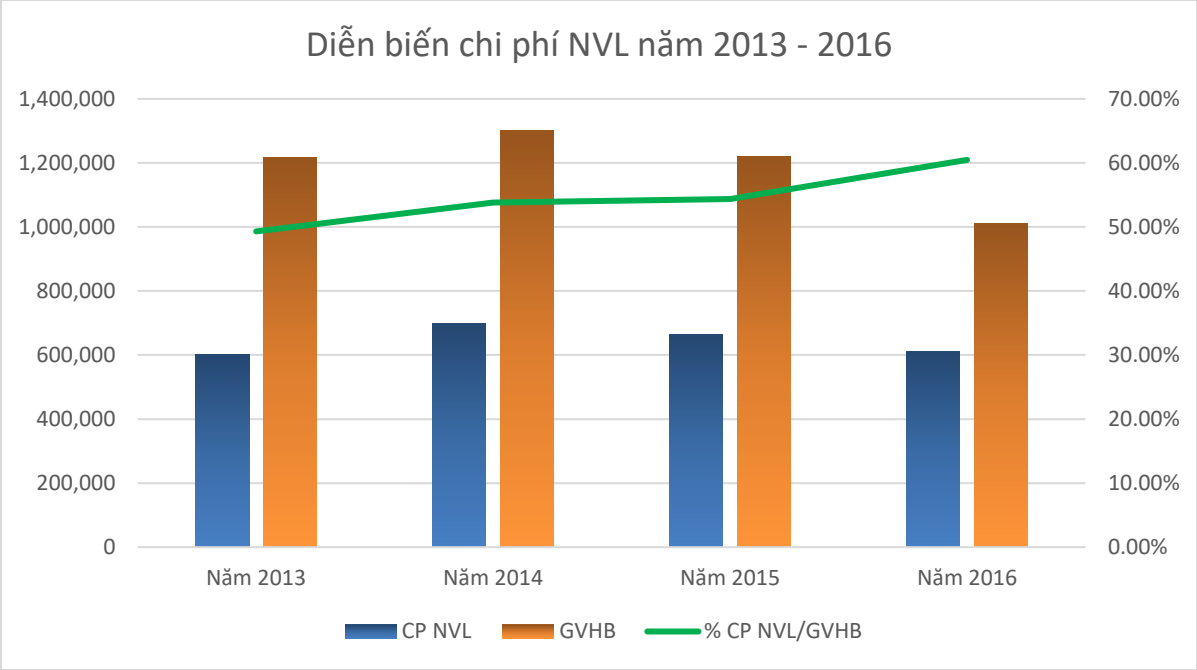

Nguồn bông nhập về vừa cung cấp nguyên liệu cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II, đồng thời dùng để bán trong thị trường nội địa. Nhu cầu bông nguyên liệu nhập khẩu hàng tháng cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II khoảng 700 tấn/tháng. Khối lượng bông bán ở thị trường nội địa trung bình khoảng 100 tấn/tháng. Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/ xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ…). Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố về niềm tin, chính sách... Luôn ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, vì vậy Công ty không ngừng tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới. Đồng thời trong quá trình sản xuất, Công ty cố gắng hạn chế tối đa hao hụt nguyên vật liệu sản xuất nhằm làm giảm sự lãng phí nguồn vật liệu. Hơn nữa, Công ty cũng chủ động nhập nguyên vật liệu khi dự đoán giá nguyên vật liệu tăng để hạn chế những rủi ro về tăng giá nguyên vật liệu.

VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Đảm bảo chế độ làm việc hợp lý, an toàn lao động

Thời gian làm việc: công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Nâng cao chất lượng lao động tuyển dụng, đào tạo,

Công ty Cổ phần Damsan luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Damsan.

Về tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Theo từng vị trí cụ thể, công ty đề ra các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

Về đào tạo: Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, đào tạo về thiết kế, kỹ năng giao tiếp, kỹ

năng lãnh đạo...

Ngoài ra, Công ty kết hợp với các trường đại học để tuyển dụng các sinh viên tốt nghiệp có trình độ, tiềm năng và đưa đi đào tạo chuyên sâu ở nước ngoài trong các lĩnh vực thiết kế, tạo dáng sản phẩm, quản lý,.... Các cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ chi phí cho các khóa nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

Đáp ứng chính sách lương, thưởng, phúc lợi đầy đủ

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc và mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc, mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty để có chính sách khen thưởng phù hợp. Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm để thu hút nhân lực giỏi làm việc tại Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Về hoạt động đoàn thể, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản thai sản, hiếu, hỷ,...Đồng thời tổ chức các hoạt đồng văn hóa nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh, có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình...tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty cổ phần Damsan đã làm được.

Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Hàng năm, công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống...cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.

TRÁCH NHIỆM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

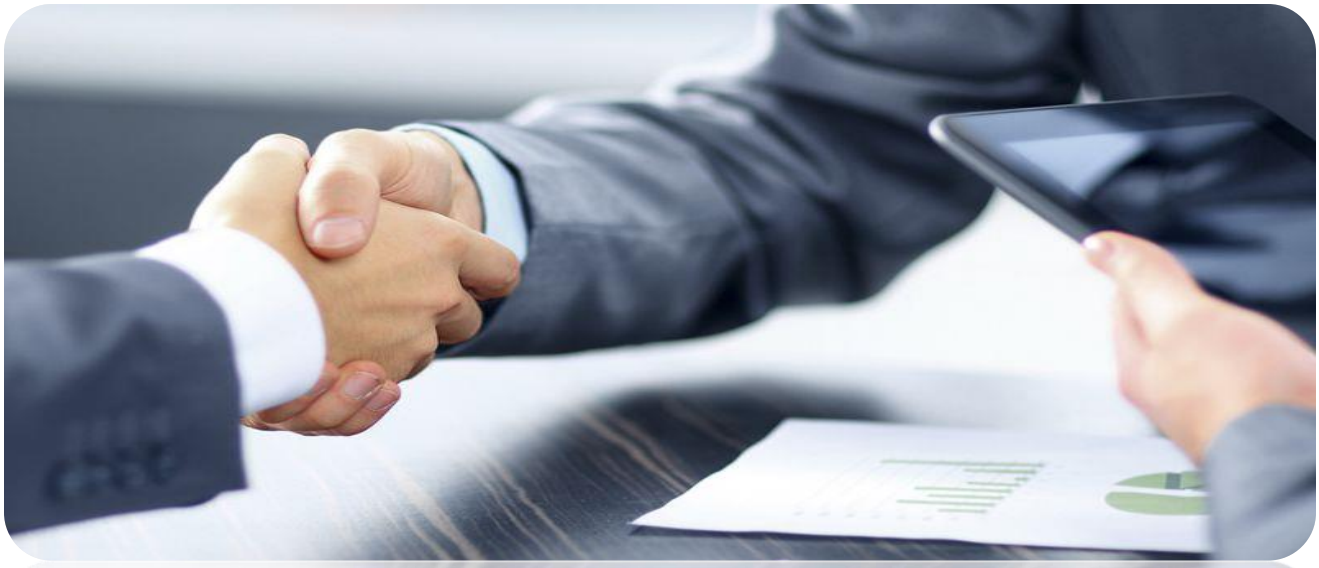

Là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư. Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truyền tải thông tin tới nhà đầu tư thông qua chuyên mục " Quan hệ cổ đông" trên website của Công ty và qua kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới nhất về Quản trị công ty, công bố thông tin đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với cổ đông của Công ty cũng như các nhà đầu tư quan tâm tới Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

"Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

- Ý kiến của kiểm toán viên
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**788.648.920.218**	**833.183.368.790**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**48.693.120.665**	**89.869.691.424**
1. Tiền	13.417.062.039	17.073.220.641
2. Các khoản tương đương tiền	35.276.058.626	72.796.470.783
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**291.583.679.380**	**355.070.225.642**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	291.583.679.380	355.070.225.642
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**212.551.874.581**	**202.176.784.734**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	104.051.745.939	113.517.301.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.797.522.461	24.854.591.815
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.042.500.000	1.432.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	89.763.320.871	65.928.507.637
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.109.904.385)	(3.556.116.567)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	6.689.695	-
IV. Hàng tồn kho	**204.473.662.880**	**171.181.878.849**
1. Hàng tồn kho	204.473.662.880	171.181.878.849
V. Tài sản ngắn hạn khác	**31.346.582.712**	**14.884.788.141**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	884.564.025	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	29.718.391.924	14.049.014.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	743.626.763	835.773.169

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**476.560.743.868**	**222.501.550.676**
I. Các khoản phai thu dài hạn	**3.730.131.090**	**3.575.856.600**
1. Phải thu dài hạn khác	3.730.131.090	3.575.856.600
II. Tài sản cố định	**353.263.259.997**	**205.320.755.896**
1. Tài sản cố định hữu hình	324.687.521.793	173.058.793.816
- Nguyên giá	*542.291.875.230*	*365.755.655.200*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*(217.604.353.437)*	*(192.696.861.384)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	27.128.729.901	30.667.259.889
- Nguyên giá	*35.385.299.873*	*35.385.299.873*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*(8.256.569.972)*	*(4.718.039.984)*
3. Tài sản cố định vô hình	1.447.008.303	1.594.702.191
- Nguyên giá	*2.285.306.375*	*2.285.306.375*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*(838.298.072)*	*(690.604.184)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**109.587.199.057**	**1.082.870.882**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	109.587.199.057	1.082.870.882
IV. Tài sản dài hạn khác	**9.980.153.724**	**12.522.067.298**
1. Chi phí trả trước dài hạn	9.368.317.398	12.458.856.604
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	611.836.326	63.210.694
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**1.265.209.664.086**	**1.055.684.919.466**

NGUỒN VỐN	31/12/2016	01/01/2016
c. NỢ PHẢI TRẢ	**1.008.829.428.912**	**821.579.307.489**
I. Nợ ngắn hạn	**858.828.696.618**	**758.898.609.943**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	206.998.443.707	145.285.790.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.626.277.244	3.541.824.318
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.382.864.644	1.931.893.798
4. Phải trả người lao động	4.147.755.952	2.770.045.105
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.854.865.446	508.930.564
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	590.278.067	513.635.970
7. Phải trả ngắn hạn khác	5.107.167.339	7.821.513.438
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	608.440.965.119	595.403.670.808
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.680.079.100	1.121.305.661
II. Nợ dài hạn	**150.000.732.294**	**62.680.697.546**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	7.420.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	149.986.669.146	55.260.197.546
3. Thuế thu nhập hoàn lại phải trả	14.063.148	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**256.380.235.174**	**234.105.611.977**
I. Vốn chủ sở hữu	**256.380.235.174**	**234.105.611.977**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	168.734.810.000	160.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*168.734.810.000*	*160.700.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	322.900.000	322.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	2.294.024.276	2.294.024.276
4. Quỹ đầu tư phát triển	5.007.392.770	3.703.588.079
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	64.991.964.500	55.413.910.942
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*29.446.522.812*	*43.732.762.069*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*35.545.441.688*	*11.681.148.873*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	15.029.143.628	11.671.188.680
TỔNG NGUỒN VỐN	**1.265.209.664.086**	**1.055.684.919.466**

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.103.309.192.080**	**1.301.336.861.203**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.333.239.306	194.240.143
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.100.975.952.774**	**1.301.142.621.060**
4. Giá vốn hàng bán	1.011.173.830.572	1.219.522.830.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.802.122.202	81.619.790.180
6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.600.350.567	36.067.535.753
7. Chí phí tài chính	46.654.642.104	73.068.748.144
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*32.962.875.912*	*29.696.208.597*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-
9. Chi phí bán hàng	9.982.627.810	11.284.645.894
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.453.627.764	21.384.778.325
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**37.311.575.091**	**11.949.153.570**
12. Thu nhập khác	4.470.563.262	3.200.803.189
13. Chi phí khác	900.448.064	1.196.912.756
14. Lợi nhuận khác	**3.570.115.198**	**2.003.890.433**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**40.881.690.289**	**13.953.044.003**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.922.856.137	2.236.026.450
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(534.562.484)	(45.320.000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**35.493.396.636**	**11.762.337.553**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	35.545.441.688	11.681.148.873
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(52.045.052)	81.188.680
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.043	929
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.043	929

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.881.690.289	13.953.044.003
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	38.920.183.067	36.165.598.656
Các khoản dự phòng	2.553.787.818	988.447.171
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.743.828.371	10.021.621.204
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	(28.372.988.275)	(29.395.413.079)
Chi phí lãi vay	32.962.875.912	29.696.208.597
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	89.689.377.182	61.429.506.552
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	(37.451.034.536)	2.012.065.785
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	(33.291.784.031)	(222.165.878)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	(34.220.782.952)	26.337.013.827
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	2.205.975.181	145.876.436
Tiền lãi vay đã trả	(31.616.941.030)	(29.418.520.223)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.925.373.115)	(1.293.686.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(46.610.563.301)	58.990.089.933
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(186.306.811.080)	(9.962.324.801)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	6.415.545.454	540.909.092
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	(68.871.973.428)	(235.309.103.646)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	131.822.685.315	302.772.628.006
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	30.111.560.072	21.534.811.334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(86.828.993.667)	79.576.919.985

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH		60.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	1.833.227.162.228	1.816.034.845.023
3. Tiền trả nợ gốc vay	(1.710.126.691.267)	(1.909.122.087.102)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(14.771.997.291)	(6.148.650.056)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(16.070.000.000)	(17.119.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	92.258.473.670	(56.354.892.135)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	(41.181.083.298)	82.212.117.783
Tiền và tương đương tiền đầu năm	89.869.691.424	7.657.573.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối quy đổi ngoại tệ	4.512.539	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**48.693.120.665**	**89.869.691.424**

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 11 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 160.700.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tỷ, bảy trăm triệu đồng), tổng số cổ phần là 16.070.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là ADS.

Vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (6 tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thảm, chăn đệm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng đối với hoạt động sản xuất sợi, vải dệt thoi, bán buôn sợi dệt, bông, trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng các công trình dân dụng như nhà ở xã hội, chung cư.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Damsan có 2 Công ty con bao gồm:

Công ty con	Địa chỉ
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	Số 56 Trần Hưng Đạo, Tổ 20B, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Lô 159/14, khu công nghiệp Gia Lễ, Xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phầm mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều niên độ thì doanh thu được ghi nhận trong niên độ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của niên độ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	403.866.834	123.129.298
Tiền gửi ngân hàng	13.013.195.205	16.950.091.343
Các khoản tương đương tiền (i)	35.276.058.626	72.796.470.783
Cộng	**48.693.120.665**	**89.869.691.424**

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {a}	109.556.610.446	90.158.454.817
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {b}	46.900.000.000	41.400.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {c}	28.636.867.474	27.970.609.028
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình {d}	34.239.944.000	30.142.400.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	27.376.248.611	26.150.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {f}	29.894.600.555	38.600.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở chính {h}	10.000.000.000	-
Các tổ chức tín dụng khác	4.979.408.294	100.648.761.797
Cộng	**291.583.679.380**	**355.070.225.642**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng. Các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng đều được sử dụng đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại chính ngân hàng đó. Cụ thể:

{a} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6,5%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Hữu Đạo, có lãi suất 6,5 %/năm.

{b} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6 % /năm đến 6,5 %/năm.

{c} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6,5 %/năm và 1 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi xuất 6,8%

{d} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6,5 %/năm.

{e} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,3 %/năm đến 7,8 %/năm.

{f} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng đứng tên Vũ Phương Diệp với lãi suất là 4.2 đến 6.5%/năm.

{h} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở chính bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6,5 %/năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	**33.834.484.484**	**45.079.454.852**
+ Zhejiang Materials Industry Chemical Group Co.,Ltd	7.844.274.029	-
+ ITOCHU CORPORATION OSARM	6.590.718.931	-
+ Zhejiang zhongda Group International Trading Co.,ltd	3.589.251.072	-
+ China Textile Industrial Corporation For Foreign Economic and Technical Cooperation	2.625.297.363	-
+ Ya Mai Chi Co.,ltd	1.910.966.022	3.340.209.542
+ Khách hàng khác	11.273.977.067	41.739.245.310
Phải thu khách hàng trong nước	**68.134.314.405**	**65.302.257.282**
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	20.878.198.397	10.437.704.757
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	9.248.862.297	9.192.022.025
+ Khách hàng khác	38.007.253.711	45.672.530.500
Phải thu khách hàng mua bất động sản	**2.082.947.050**	**3.135.589.715**
Cộng	**104.051.745.939**	**113.517.301.849**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho nhà thầu xây lắp trong nước	6.080.776.883	6.228.697.173
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	15.716.745.578	18.625.894.642
Trong đó:		
Nhà cung cấp trong nước	*6.397.162.372*	*9.021.697.128*
Nhà cung cấp nước ngoài	*9.319.583.206*	*9.604.197.514*
Cộng	**21.797.522.461**	**24.854.591.815**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bảo hiểm xã hội	-	361.235.473
Phải thu người lao động	10.386.547.114	3.458.900.665
Ký cược, ký quỹ	3.067.843.454	9.427.381.225
Phải thu khác	76.308.930.303	52.680.990.274
Trong đó:		
Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Thái Bình	*632.207.000*	*869.621.000*
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	*14.175.329.873*	*19.570.784.360*
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình(*)	*53.482.028.533*	*30.616.397.226*
Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình (**)	*3.916.317.129*	-
Phải thu cá nhân về tiền bồi thường hàng	*2.893.434.571*	-
Phải thu khác	*1.209.613.197*	*1.624.187.688*
Cộng	**89.763.320.871**	**65.928.507.637**

(*) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo Văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Xây dựng Công trình khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

(**) Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình theo công văn số 68/PTQD-KT ngày 7/4/2016 về ứng chi phí giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.037.760.733	74.721.496.236
Công cụ, dụng cụ	1.197.276.467	380.297.655
Chi phí SXKD dở dang	99.835.949.285	52.866.630.839
Dự án nhà ở thu nhập thấp,nhà ở xã hội	*70.225.932.236*	*22.953.087.987*
Dự án nhà thương mại liền kề	*7.771.777.518*	*7.906.068.230*
Sản phẩm dở dang	*21.838.239.531*	*22.007.474.622*
Thành phẩm	37.187.926.922	43.031.689.832
Hàng hóa	1.017.790.425	43.327.287
Hàng gửi đi bán	109.205.879	138.437.000
Cộng giá gốc	**204.473.662.880**	**171.181.878.849**

7. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Cầm cố, ký cược dài hạn	3.730.131.090	3.575.856.600
Cộng	**3.730.131.090**	**3.575.856.600**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	**67.934.032.426**	**291.856.204.222**	**5.426.635.915**	**538.782.637**	**365.755.655.200**
Đầu tư XDCB hoàn thành	51.963.190.871	-	-	-	51.963.190.871
Mua sắm trong năm	-	130.666.251.374	6.651.245.454	-	137.317.496.828
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.744.467.669)	-	-	(12.744.467.669)
Tại ngày 31/12/2016	**119.897.223.297**	**409.777.987.927**	**12.077.881.369**	**538.782.637**	**542.291.875.230**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	**19.515.707.777**	**171.241.195.821**	**1.591.259.284**	**348.698.502**	**192.696.861.384**
Khấu hao trong năm	3.983.597.736	30.157.501.082	1.043.190.117	49.670.256	35.233.959.191
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.326.467.138)	-	-	(10.326.467.138)
Tại ngày 31/12/2016	**23.499.305.513**	**191.072.229.765**	**2.634.449.401**	**398.368.758**	**217.604.353.437**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	**48.418.324.649**	**120.615.008.401**	**3.835.376.631**	**190.084.135**	**173.058.793.816**
Tại ngày 31/12/2016	**96.397.917.784**	**218.705.758.162**	**9.443.431.968**	**140.413.879**	**324.687.521.793**

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.460.967.605 đồng. (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 là 20.556.506.668 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 322.783.560.581 đồng. (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 là 167.204.971.315 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	**35.385.299.873**	**35.385.299.873**
Tại ngày 31/12/2016	**35.385.299.873**	**35.385.299.873**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	**4.718.039.984**	**4.718.039.984**
Khấu hao trong năm	3.538.529.988	3.538.529.988
Tại ngày 31/12/2016	**8.256.569.972**	**8.256.569.972**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	**30.667.259.889**	**30.667.259.889**
Tại ngày 31/12/2016	**27.128.729.901**	**27.128.729.901**

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	**1.925.306.375**	**360.000.000**	**2.285.306.375**
Tại ngày 31/12/2016	**1.925.306.375**	**360.000.000**	**2.285.306.375**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	**433.461.344**	**257.142.840**	**690.604.184**
Khấu hao trong năm	96.265.320	51.428.568	147.693.888
Tại ngày 31/12/2016	**529.726.664**	**308.571.408**	**838.298.072**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	**1.491.845.031**	**102.857.160**	**1.594.702.191**
Tại ngày 31/12/2016	**1.395.579.711**	**51.428.592**	**1.447.008.303**

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án nhà máy kéo sợi Eiffel	85.687.397.770	956.359.141
Mua sắm máy móc cho nhà máy Damsan 2	18.962.198.510	-
Nhà khách Damsan 2	1.360.846.816	-
Nhà kho thành phẩm Eiffel	1.060.767.426	-
Nhà điều hành khu Quang Trung	2.515.988.535	-
Các công trình khác	-	126.511.741
Cộng	**109.587.199.057**	**1.082.870.882**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	8.277.559.595	11.448.088.262
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.090.757.803	1.010.768.342
Cộng	**9.368.317.398**	**12.458.856.604**

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả nhà thầu xây lắp	**11.678.989.695**	**29.688.780.117**
Bằng đồng Việt Nam	11.678.989.695	29.688.780.117
+ Công ty Cổ phần Xây dựng GM	*9.263.922.636*	*9.909.449.636*
+ Người bán khác	*1.232.996.000*	*19.779.330.481*
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	**195.319.454.012**	**115.597.010.164**
Bằng đồng Việt Nam	56.455.437.943	49.297.890.668
+ Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân	*6.400.664.403*	*4.031.924.225*
+ Công ty TNHH Đông Phong	*5.871.468.610*	*4.839.000.959*
+Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ ng	*7.860.764.221*	*9.273.646.632*
+ Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình	*9.195.547.064*	*561.869.595*
+ Người bán khác	*27.126.993.645*	*30.591.449.257*
Bằng ngoại tệ khác	138.864.016.069	66.299.119.496
+ LAKSHMI MACHINE WORDK LIMITED (*)	*72.712.315.440*	-
+ Raghunath Agrotech (p) LTD	*9.862.252.621*	-
+ Tong Teik PTE LTD	*9.708.054.345*	*13.578.152.156*
+ Cathay Cotton (hk) Limited	*16.806.577.353*	*186.119.993*
+ RCMA Asia PTE., Ltd	*20.847.795.178*	-
+ Người bán khác	*8.927.021.132*	*52.534.847.347*
Cộng	**206.998.443.707**	**145.285.790.281**

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, công ty có khoản nợ ngắn hạn với nhà cung cấp nước ngoài là nhà cung cấp LAKSHMI MACHINE WORDK LIMITED với số tiền 72.712.315.440 đồng. Theo kế hoạch, đến quý 2 năm 2017, công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2015/727771/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2015 để thanh toán hết số dư công nợ phải trả ngắn hạn này.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.576.082.619	5.922.856.137	1.925.373.115	5.573.565.641
Thuế thu nhập cá nhân	355.811.179	584.009.779	130.521.955	809.299.003
Các loại thuế khác	-	25.825.917	25.825.917	-
Cộng	**1.931.893.798**	**6.532.691.833**	**2.081.720.987**	**6.382.864.644**

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lãi vay phải trả	1.854.865.446	508.930.564
Cộng	**1.854.865.446**	**508.930.564**

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	178.538.836	915.681.674
Bảo hiểm xã hội	395.825.881	-
Bảo hiểm y tế	334.073.426	393.897.275
Bảo hiểm thất nghiệp	169.768.142	176.546.416
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.028.961.054	6.335.388.073
Trong đó		
Phí bảo trì nhà thu nhập thấp	*2.211.710.414*	*2.277.946.042*
Phải trả khác	*1.817.250.640*	*4.057.442.031*
Cộng	**5.107.167.339**	**7.821.513.438**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2016 VND
Vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ	**356.654.868.237**	**880.181.199.190**	**848.778.589.641**	**325.252.258.688**
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {a}	88.128.930.000	139.845.630.000	128.713.340.000	76.996.640.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {b}	58.820.990.000	113.205.280.000	64.011.990.000	9.627.700.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	87.358.083.546	129.978.513.605	78.654.799.409	36.034.369.350
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {d}	9.238.050.000	49.994.788.762	66.726.356.482	25.969.617.720
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	64.622.079.457	146.757.689.836	148.129.810.773	65.994.200.394
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình {f}	9.665.666.313	119.452.252.904	155.590.976.435	45.804.389.844
Ngân hàng No&PTNT Chi nhánh Tây Đô - Hà Nội {g}	38.821.068.921	154.056.278.671	146.930.664.750	31.695.455.000
Các tổ chức tín dụng khác	-	26.890.765.412	60.020.651.792	33.129.886.380
Vay ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng	**220.543.544.740**	**798.696.742.946**	**822.536.262.138**	**244.383.063.932**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thông Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {g}	63.796.811.075	224.046.565.187	192.874.670.539	32.624.916.427
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình {f}	135.089.851.540	347.531.295.634	320.744.096.944	108.302.652.850
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {a}	2.850.000.000	56.100.000.000	75.050.000.000	21.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {d}	18.806.882.125	18.806.882.125	-	-
Các tổ chức tín dụng khác	-	152.212.000.000	233.867.494.655	81.655.494.655
Cộng vay ngắn hạn	**577.198.412.977**	**1.678.877.942.136**	**1.671.314.851.779**	**569.635.322.620**
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 18)	31.242.552.142			25.768.348.188
Cộng vay và nợ tài chính ngắn hạn	**608.440.965.119**			**595.403.670.808**

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

{a} Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2151/IVB-HĐHM/2016 ngày 26 tháng 10 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ), thời hạn hạn mức là 12 tháng. Thời gian vay và Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc tại nhà máy Damsan I - KCN Nguyễn Đức Cảnh - Thành phố Thái Bình.

{b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 07/2016/HĐHM/PVB-CNTB ngày 22 tháng 09 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng). Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay từng lần không quá 5 tháng, lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ hoạt động kinh doanh bất động sản). Tài sản bảo đảm là các chứng từ có giá do ngân hàng phát hành, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Công ty.

{c} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 80013.16.755.1155640.TD ngày 01 tháng 11 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng). Thời hạn hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 19 tháng 10 năm 2017. Thời hạn của mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Tài sản bảo đảm là xe ô tô BKS 17A 05878, hàng tồn kho, khoản phải thu/quyền đòi nợ, tài sản khác của Công ty, đối với mở L/C là tiền ký quỹ 5%, hàng hóa hình thành từ phương án L/C 70%.

{d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 2624/16/HĐTDHM-DN/013 ngày 12 tháng 07 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 12 tháng 07 năm 2017. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các chứng từ có giá do ngân hàng phát hành.

{e} Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 446.HĐTD2.009.16 ngày 17 tháng 10 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng) hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17 tháng 10 năm 2017. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn bông. Tài sản đảm bảo bao gồm: hàng tồn kho bông, sợi, khăn bông, sản phẩm dở dang (tại kho Damsan II - Khu công nghiệp Gia Lễ Thái Bình); hàng hóa hình thành trong tương lai (từ L/C nhập khẩu trực tiếp qua VIB) là bông nguyên liệu; quyền tài sản - chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ theo L/C xuất khẩu; quyền phải thu/ quyền đòi nợ từ hợp đồng xuất khẩu kèm L/C phát hành của người mua hàng với điều kiện tài khoản thanh toán mở tại VIB; cổ phần của chủ sở hữu công ty là ông Vũ Huy Đông.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

{f} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Bình theo hai hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2127123/HĐTD ngày 18 tháng 08 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng (chín mươi tỷ đồng). Thời hạn hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 07 năm 2017. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là chứng từ có giá do ngân hàng phát hành.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/6180789/HĐTD ngày 18 tháng 08 năm 2016. Hạn mức tín dụng thường xuyên là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng). Thời hạn hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2017. Thời hạn cho vay, kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là giấy tờcó giá do ngân hàng phát hành.

{g} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô theo hai hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16082016/HĐTD-DS ngày 16 tháng 08 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng). Thời hạn hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10 tháng 08 năm 2017. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ công trình Nhà máy sản xuất sợi Damsan II được xây dựng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 356643 do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 11 tháng 05 năm 2012 và các chứng từ có giá do ngân hàng phát hành.

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 211022016/HDTD-ACC ngày 26 tháng 10 năm 2016. Tổng hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng). Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2016. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay, kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi của Công ty và bên thứ 3 mở tại Ngân hàng, và hàng hóa hình thành từ vốn vay.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	01/01/2016 VND
Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ	**99.813.216.485**	**99.878.734.050**	**24.899.534.336**	**24.834.016.771**
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở chính {a}	6.760.191.260	6.264.472.783	10.202.107.906	10.697.826.383
Ngân hàng No&PT Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Tây Đô {b}	2.800.992.955	75.710.880	1.877.210.896	4.602.492.971
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {c}	134.461.000	2.891.000	7.327.767.787	7.459.337.787
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {d}	18.612.452.614	22.030.540.731	5.492.447.747	2.074.359.630
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	71.505.118.656	71.505.118.656	-	-
Vay dài hạn bằng Việt Nam Đồng	**72.238.921.222**	**47.020.707.550**	**15.257.206.000**	**40.475.419.672**
Ngân hàng No&PT Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Tây Đô {b}	26.237.213.672	-	13.581.206.000	39.818.419.672
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	46.001.707.550	46.801.707.550	800.000.000	-
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	-	219.000.000	876.000.000	657.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	**9.177.083.581**	**8.229.971.581**	**14.771.997.291**	**15.719.109.291**
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam {f}	9.177.083.581	8.229.971.581	14.771.997.291	15.719.109.291
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**181.229.221.288**	**155.129.413.181**	**54.928.737.627**	**81.028.545.734**
Trừ: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	**(31.242.552.142)**			**(25.768.348.188)**
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {c}	*(134.402.000)*			*(5.208.000.000)*
Ngân hàng No&PT Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Tây Đô {b}	*(7.294.214.750)*			*(10.000.000.000)*
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	*(6.316.608.000)*			-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở chính {a}	*(5.862.510.960)*			*(1.954.170.320)*
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {d}	*(4.610.648.992)*			*(1.594.482.088)*
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	-			*(369.000.000)*
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam {f}	*(7.024.167.440)*			*(6.642.695.780)*
Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**149.986.669.146**			**55.260.197.546**

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay khi đến hạn thanh toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

{a} Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1326100281 ngày 26 tháng 09 năm 2014. Tổng hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) hoặc ngoại tệ tương đương. Hợp đồng tín dụng hạn mức có hiệu lực trong vòng 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay tài trợ dự án mở rộng dây chuyền kéo sợi nồi cọc tại Nhà máy Damsan 1. Các tài sản để đảm bảo cho khoản vay gồm máy kéo sợi, máy chải, máy đánh ống sợi, ... thuộc nhà máy Damsan 1.

{b} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây đô theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 28042009/HĐTDDH ngày 28 tháng 4 năm 2009 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 5 tháng 5 năm 2009. Hạn mức cho vay 85.000.000.000 đồng (tám lăm tỷ đồng). Lãi suất áp dụng cho khoản vay VND tính theo lãi suất huy động 12 tháng của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô cộng (+) 3,5%/ năm, lãi suất áp dụng cho kỳ hạn đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho khoản vay USD tính theo lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định áp dụng tại ngày xác định lãi suất cộng (+) 3%/năm, lãi suất áp dụng cho lần nhận nợ đầu tiên xác định trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do ngân hàng quy định áp dụng tại ngày nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị của công ty tại nhà máy Damsan II - KCN Gia Lễ - Đông Mỹ - TP Thái Bình.

Hợp đồng tín dụng số 02122010/HĐTDDH ngày 2 tháng 12 năm 2010, số tiền vay cam kết tối đa là 45.500.000.000 (bốn lăm tỷ, năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay 7,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 16,5%/năm, các kỳ sau theo thông báo của ngân hang. Mục đích vay để đầu tư dự án mở rộng dây chuyền kéo sợi OE thuộc nhà máy Dệt sợi Dam San II. Tài sản thế chấp là các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án.

{c} Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 2136/IVB -HĐDH/2006 ngày 12 tháng 07 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 2136/IVB-HDDH/2006 ngày 27 tháng 06 năm 2007. Tổng hạn mức là 66 tỷ đồng trong thời hạn 10 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất được tính trên cơ sở bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Indovina cộng 0,25% cho 30 ngày áp dụng cho các khoản giải ngân bằng tiền đồng và lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2,2% cho 360 ngày áp dụng cho các khoản giải ngân bằng tiền Đô la Mỹ. Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/1 lần. Mục đích sử dụng khoản vay để tài trợ việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị cho dự án "Dự án Nhà máy kéo sợi dệt may". Tổng giá trị tài sản đảm bảo ước tính 168.050.375.900 đồng bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty, nhà xưởng vật kiến trúc của Công ty tại Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh.

{d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46.15.755.1155640.TD ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tổng hạn mức tín dụng 135.590 Euro hoặc VNĐ/USD tương đương. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và Công ty. Lãi suất nợ quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để thanh toán tiền máy móc thiết bị theo hợp đồng số 1402137 ngày 06/01/2015. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng nhập khẩu số 1402137 ngày 06/01/2015 có tổng giá trị là 193.700 Euro.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

{d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3422.16.755.1155640.TD ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 53.000.000.000 đồng (năm mươi ba tỷ đồng). Thời hạn của mỗi khoản cấp tín dụng không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh, kỳ trả gốc và lãi theo từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay là xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan", mở LC. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hình thành từ vốn tự có của khách hàng để hoàn thiện Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan".

{e} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2127123/HĐTDDA ngày 09 tháng 05 năm 2016. Số nợ gốc cho vay bằng VND không vượt quá 150 tỷ đồng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. mục đích của khoản vay dùng để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng, tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và các dự án đối ứng, thời hạn của các khoản vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trường hợp bên vay muốn kéo dài thời gian rút vốn phải thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản nếu được ngân hàng chấp thuận thì thông báo được xem như phụ lục của hợp đồng này. Đảm bảo khoản vay bằng thế chấp cơ sở hạ tầng khu dự án theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và thế chấp các tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo hợp đồng thuộc dự án theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/727771/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2015 với hạn mức vay là 175.625.000.000 đồng trong thời hạn 102 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Mỗi khoản rút vốn vay có thời hạn là 180 ngày và ân hạn trong 06 tháng. Khoản vay được thực hiện đầu tư xây dựng và mua máy móc thiết bị nhà máy kéo sợi EIFFEL với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm rút vốn . Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai của dự án.

{f} Khoản nợ dài hạn Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00112-000 ngày 23 tháng 08 năm 2013 và hợp đồng số 2013-00109-000 ngày 23 tháng 08 năm 2013. Giá trị hiện tại của khoản khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là 1.787.252,28 USD, tài sản được thuê trong vòng 48 tháng, lãi suất ngầm định theo hợp đồng là 4,5621 %/năm.

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	31.242.552.142	25.768.348.188
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	149.986.669.146	55.260.197.546
Cộng	**181.229.221.288**	**81.028.545.734**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	31.242.552.142	25.768.348.188
Số phải trả sau 12 tháng	**149.986.669.146**	**55.260.197.546**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	**100.700.000.000**	**322.900.000**	**2.294.024.276**	**3.703.588.079**	**60.851.762.069**	**-**	**167.872.274.424**
Tăng vốn trong năm	60.000.000.000	-	-	-	-	11.590.000.000	71.590.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	11.681.148.873	81.188.680	11.762.337.553
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.119.000.000)	-	(17.119.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	**160.700.000.000**	**322.900.000**	**2.294.024.276**	**3.703.588.079**	**55.413.910.942**	**11.671.188.680**	**234.105.611.977**
Tăng vốn trong năm	8.034.810.000	-	-	-	-	3.410.000.000	11.444.810.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	35.545.441.688	(52.045.052)	35.493.396.636
Phân phối lợi nhuận	-	-		1.303.804.691	(1.303.804.691)	-	-
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(24.104.810.000)	-	(24.104.810.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(558.773.439)	-	(558.773.439)
Tại ngày 31/12/2016	**168.734.810.000**	**322.900.000**	**2.294.024.276**	**5.007.392.770**	**64.991.964.500**	**15.029.143.628**	**256.380.235.174**

(*) Tăng vốn trong năm căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị 2016 số 2809/2016/NQ/HĐQT ngày 28 tháng 09 năm 2016, thông qua việc triển khai phương án trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỉ lệ thực hiện là 20:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 20 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu vào ngày 21 tháng 11 năm 2016 với tổng số cổ phiếu phát hành mới là 803.481 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu.

(**) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 03 năm 2016 như sau:

Trả cổ tức bằng tiền: 16.070.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**16.873.481**	**16.070.000**
- Cổ phiếu phổ thông	16.873.481	16.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**16.873.481**	**16.070.000**
- Cổ phiếu phổ thông	16.873.481	16.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.103.309.192.080**	**1.301.336.861.203**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.097.738.223.753	1.158.238.301.526
Bán hàng hóa	*191.376.570.739*	*101.017.288.434*
Bán thành phẩm	*906.361.653.014*	*1.057.221.013.092*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.212.800.071	667.010.880
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.358.168.256	142.431.548.797
Các khoản giảm trừ doanh thu	**2.333.239.306**	**194.240.143**
- Giảm giá hàng bán	45.454.545	194.240.143
- Hàng bán bị trả lại	2.287.784.761	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.100.975.952.774**	**1.301.142.621.060**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	162.277.176.582	99.231.850.315
Giá vốn của thành phẩm đã bán	844.385.413.299	991.960.681.768
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.337.103.873	600.309.792
Giá trị còn lại của tài sản và bất động sản đầu tư đã bán	3.174.136.818	127.729.989.005
Cộng	**1.011.173.830.572**	**1.219.522.830.880**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.373.661.749	30.050.864.050
Lãi bán ngoại tệ	370.380.659	141.340.315
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.782.716.927	5.875.331.388
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.591.232	-
Cộng	**30.600.350.567**	**36.067.535.753**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	32.962.875.912	29.696.208.597
Lỗ do bán ngoại tệ	678.852.437	421.915.696
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.571.298.755	42.199.711.111
Chi phí tài chính khác	441.615.000	750.912.740
Cộng	**46.654.642.104**	**73.068.748.144**

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	6.923.480.081	6.772.584.927
Chi phí hoa hồng	1.244.953.241	1.226.095.533
Chi phí lương bán hàng	544.434.308	272.037.658
Chi phí khác	1.269.760.180	3.013.927.776
Cộng	**9.982.627.810**	**11.284.645.894**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí khấu hao	1.154.929.152	1.376.255.982
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	6.752.834.357	6.697.890.796
Chi phí tiếp khách	809.529.938	1.375.791.459
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.553.787.818	1.091.197.171
Chi phí mua ngoài khác	15.182.546.499	10.843.642.917
Cộng	**26.453.627.764**	**21.384.778.325**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.999.326.526	540.909.092
Thu tiền bông thừa	-	2.034.557.775
Các khoản khác	471.236.736	625.336.322
Cộng	**4.470.563.262**	**3.200.803.189**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Damsan	4.510.970.400	2.110.653.335
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng ACC	1.411.885.737	-
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	-	125.373.115
Cộng	**5.922.856.137**	**2.236.026.450**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	35.545.441.688	11.681.148.873
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(1.066.363.251)	(558.773.439)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.479.078.437	11.122.375.434
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.873.481	11.974.851
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.043**	**929**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	16.070.000	10.070.000
Số cổ phiếu lưu hành từ cổ tức được chia (**)	803.481	803.481
Số cổ phiếu bình quân phát hành tăng trong năm	-	1.101.370
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**16.873.481**	**11.974.851**

(*) Theo điểm 6, Công văn số 12568/BTC-CĐKT ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc giải thích nội dung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, thì số quỹ khen thưởng dùng để trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được điều chỉnh theo số trích quỹ thực tế. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Damsan về việc phân phối lợi nhuận năm 2015, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích là 558.773.439 đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2015.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(**) Trong năm căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị 2016 số 2809/2016/NQ/HĐQT ngày 28 tháng 09 năm 2016, thông qua việc triển khai phương án trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỉ lệ thực hiện là 20:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 20 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng cổ phiếu như sau:

	Số báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.681.148.873	-	11.681.148.873
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(558.773.439)	(558.773.439)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	558.773.439	558.773.439
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	*(558.773.439)*	*(558.773.439)*
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.681.148.873	(558.773.439)	11.122.375.434
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	11.171.370	803.481	11.974.851
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.046**	**117**	**929**

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	611.528.716.065	663.207.588.474
Chi phí nhân công	39.838.023.319	41.614.673.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.946.849.735	36.686.429.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.581.630.023	664.810.145.927
Chi phí khác bằng tiền	16.752.030.254	32.324.060.612
Cộng	**1.041.647.249.396**	**1.438.642.898.478**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	31/12/2016 VND	31/12/2016 VND	31/12/2016 VND	31/12/2016 VND	31/12/2016 VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	106.079.694.526	65.192.469.821	52.161.983.819	86.160.933.687	309.595.081.853
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	955.614.582.233
Tổng tài sản hợp nhất	**106.079.694.526**	**65.192.469.821**	**52.161.983.819**	**86.160.933.687**	**1.265.209.664.086**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	12.980.223.779	6.400.664.403	6.213.585.438	33.935.774.749	59.530.248.369
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	949.299.180.543
Tổng nợ phải trả hợp nhất	**12.980.223.779**	**6.400.664.403**	**6.213.585.438**	**33.935.774.749**	**1.008.829.428.912**
	01/01/2016 VND	**01/01/2016 VND**	**01/01/2016 VND**	**01/01/2016 VND**	**01/01/2016 VND**
Tài sản					
Tài sản bộ phận	142.323.669.499	57.717.178.659	33.144.272.966	55.556.778.132	288.741.899.256
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	766.943.020.210
Tổng tài sản hợp nhất	**142.323.669.499**	**57.717.178.659**	**33.144.272.966**	**55.556.778.132**	**1.055.684.919.466**
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	30.513.162.359	30.513.162.359
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	791.066.145.130
Tổng nợ phải trả hợp nhất	**-**	**-**	**-**	**30.513.162.359**	**821.579.307.489**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Hoạt động kinh doanh Bông VND	Hoạt động kinh doanh Sợi VND	Hoạt động kinh doanh Khăn VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	542.188.908.406	339.523.833.806	197.217.591.017	3.358.168.256	18.687.451.289	1.100.975.952.774
Tổng Doanh thu	542.188.908.406	339.523.833.806	197.217.591.017	3.358.168.256	18.687.451.289	1.100.975.952.774
Khấu hao và chi phí phân bổ	515.908.242.693	323.066.631.824	187.658.174.544	3.195.393.076	17.781.644.009	1.047.610.086.146
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	26.280.665.713	16.457.201.982	9.559.416.473	162.775.180	905.807.280	53.365.866.628
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.280.665.713	16.457.201.982	9.559.416.473	162.775.180	905.807.280	53.365.866.628
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-		30.600.350.567
Lãi (lỗ) khác						3.570.115.198
Chi phí tài chính						46.654.642.104
Lợi nhuận trước thuế						40.881.690.289
Chi phí thuế TNDN						5.388.293.653
Lợi nhuận trong kỳ						**35.493.396.636**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Hoạt động kinh doanh Bông VND	Hoạt động kinh doanh Sợi VND	Hoạt động kinh doanh Khăn VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	365.051.832.771	580.769.629.005	187.135.507.000	143.057.448.797	25.128.203.487	1.301.142.621.060
Tổng Doanh thu	365.051.832.771	580.769.629.005	187.135.507.000	143.057.448.797	25.128.203.487	1.301.142.621.060
Khấu hao và chi phí phân bổ	351.318.195.490	558.920.459.345	180.095.270.670	137.675.475.784	24.182.853.810	1.252.192.255.099
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	13.733.637.281	21.849.169.660	7.040.236.330	5.381.973.013	945.349.677	48.950.365.961
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.733.637.281	21.849.169.660	7.040.236.330	5.381.973.013	945.349.677	48.950.365.961
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-		36.067.535.753
Lãi (lỗ) khác						2.003.890.433
Chi phí tài chính						73.068.748.144
Lợi nhuận trước thuế						13.953.044.003
Chi phí thuế TNDN						2.190.706.450
Lợi nhuận trong năm						**11.762.337.553**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Damsan là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may có quy trình sản xuất khép kín. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ ở thị trường trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Chỉ tiêu	Thị trường nội địa VND	Thị trường xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng	854.488.492.487	246.487.460.287	1.100.975.952.774
2. Tài sản bộ phận	1.231.375.179.602	33.834.484.484	1.265.209.664.086

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 và V.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	758.427.634.265	650.663.868.354
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	48.693.120.665	89.869.691.424
Nợ thuần	709.734.513.600	560.794.176.930
Vốn chủ sở hữu	256.380.235.174	234.105.611.977
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**276,83%**	**239,55%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	**01/01/2016**
	VND	**VND**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.693.120.665	89.869.691.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.679.818.971	167.894.811.694
Đầu tư ngắn hạn	291.583.679.380	355.070.225.642
Các khoản ký quỹ	6.797.974.544	13.003.237.825
Cộng	**534.754.593.560**	**625.837.966.585**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	758.427.634.265	650.663.868.354
Phải trả người bán và phải trả khác	212.105.611.046	153.107.303.719
Chi phí phải trả	1.854.865.446	508.930.564
Cộng	**972.388.110.757**	**804.280.102.637**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong niên độ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong niên độ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Tiền	48.693.120.665	-	48.693.120.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.679.818.971	-	187.679.818.971
Đầu tư ngắn hạn	291.583.679.380	-	291.583.679.380
Các khoản ký quỹ	3.067.843.454	3.730.131.090	6.797.974.544
Cộng	**531.024.462.470**	**3.730.131.090**	**534.754.593.560**
31/12/2016			
Các khoản vay	608.440.965.119	149.986.669.146	758.427.634.265
Phải trả người bán và phải trả khác	212.105.611.046	-	212.105.611.046
Chi phí phải trả	1.854.865.446		1.854.865.446
Cộng	**822.401.441.611**	**149.986.669.146**	**972.388.110.757**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(291.376.979.141)**	**(146.256.538.056)**	**(437.633.517.197)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016			
Tiền	89.869.691.424	-	89.869.691.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.894.811.694	-	167.894.811.694
Đầu tư ngắn hạn	355.070.225.642	-	355.070.225.642
Các khoản ký quỹ	9.427.381.225	3.575.856.600	13.003.237.825
Cộng	**622.262.109.985**	**3.575.856.600**	**625.837.966.585**
01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	153.107.303.719	-	153.107.303.719
Chi phí phải trả	508.930.564	-	508.930.564
Các khoản vay	595.403.670.808	55.260.197.546	650.663.868.354
Cộng	**749.019.905.091**	**55.260.197.546**	**804.280.102.637**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(126.757.795.106)**	**(51.684.340.946)**	**(178.442.136.052)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu		
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	127.662.612.876	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	123.036.264.253	64.144.332.287

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	19.985.762.477	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	9.248.862.297	4.350.983.710

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương và tiền thưởng BGĐ và Hội đồng quản trị	686.625.000	660.184.334
Cộng	**686.625.000**	**660.184.334**

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Một số số liệu được phân loại lại để phù hợp chỉ tiêu so sánh năm nay:

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	7.420.500.000	7.420.500.000
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	7.420.500.000	(7.420.500.000)	-

Vũ Huy Đông	**Lê Xuân Chiến**	**Lê Xuân Chiến**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 20 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Huy Đông